Năm thứ hai - Số 83
Thứ tư
28 Janvier 1942

tri tân

tạp-chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghè triều Lê (IX) — Nguyễn-Văn-Tố
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XIV) — Ưng-Hoè
Phê-bình « Lều chõng » — Kiều Thanh-Quế
Những ngày lịch-sử tháng Janvier (II) — Long-Điền
Về bài thơ « ông phỗng đá » — Tiên-Đàm
Thoát cung vua Mạc (IX) — Chu-Thiên
Tết Táo - quân — Vân-Thạch
Quần-đảo Timor — Nhật-Nham
Tháng chạp, tháng đầy ý-nghĩa chính-trị, kinh-tế và tôn-giáo,... — Hoa-Bằng
Phong-dao chia loại và giải nghĩa (VII) — Hoa-Bằng
Việt-nam văn-học sử (XX) — H. B.

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
195, RUE DU COTON, 195
HANOI

GIÁ BÁO.
Mỗi số 15 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80

Theo quan-niệm thời xưa

Tháng chạp, tháng đầy ý-nghĩa chính-trị, kinh-tế và tôn-giáo

HOA-BẰNG

CÁI tháng cuối năm theo âm lịch này không những có một ý nghĩa vô cùng trọng đại đối với cuộc nhân-sinh hiện-tại của người mình, mà nó lại có quan-hệ đến cả chính lệnh giáo hóa của dân tộc Việt-nam trong thời kỳ quá khứ nữa. Vậy nhân dịp, chúng ta tưởng cũng nên thử khảo cứu xem lai lịch và ý nghĩa của tháng chạp này.

Tiếng « chạp » là do chữ « lạp » 臘 *trong hán-văn trật ra. Vì trong tháng mười hai là tháng cuối năm có lễ tế chạp là một nghi-lễ rất trọng ở thời đại cổ. Việt-văn có tiếng « giỗ chạp » : chính ra từ hai chữ « kỵ lạp ». Mà « tháng chạp » thì tức là « lạp-nguyệt »* 臘 月 *trong chữ nho.*

Theo chế-độ xưa, tháng « chạp » có nhiều việc quan-trọng về chính trị, về kinh-tế và về tôn-giáo.

Sách Chu-lễ *thiên* Thiên quan *chép rằng :* « Tuế chung, tắc linh bách quan phủ các chính kỳ trị, thụ kỳ cối... » *(Cuối năm thì ra lệnh cho trăm quan-phủ đều phải làm cho ngay thẳng việc chính-sự của mình và tiếp nhận việc tính-toán của mình .)*

Cũng sách ấy, đến thiên Địa quan *lại chép :* « Tuế chung tắc linh lục hương chỉ lại giai cối chính, trí sự » *(Cuối năm thì ra lệnh cho các tư-lại sáu hương (làng đời xưa) đều phải tính-toán công việc và đưa đến các văn-thư về chính-sự).*

Trong Nguyệt lệnh *nói về việc làm trong tháng qui-đông (tháng chạp) có chú-trọng về việc nông là gốc nền kinh tế đời xưa : Ra lệnh cho nhân dân đem ra giống ngũ cốc, bảo nông dân lường tính về công việc ngẫu-cành (hai người cùng cày) ; sửa cày, bừa ; sắm đủ đồ làm ruộng.. »*

Ý nói bấy giờ đã sắp-sửa bước sang tiết xuân, nhà nông phải sửa soạn công việc làm ruộng dưới ánh dương đầm-ấm sắp tới. Cho nên thì giờ trong tháng chạp này rất qui đối với nhà nông ; người cầm vận mệnh một nước phải nên giữ cho việc nông được chuyên nhất, chứ đừng bắt nông dân phải làm xâu dịch gì khác.

Để khuyến-khích và vỗ về họ, các vương giả đời xưa có đặt ra lễ tế chạp làm trong tháng mười hai hằng năm. Lễ tế ấy, ngoài ý nghĩa cầu sự may-mắn cho nông dân, lại còn có ý dùng nó làm bữa tiệc để khoản đãi ủy-lạo nông dân nữa.

Cùng một lễ ấy, mỗi đời kêu tên một khác : Nhà Hạ (2224-1767 trước T. L.) gọi là Thanh tự 清祀*; nhà Ân (1766-1123 trước T.L.) gọi là Gia-bình* 嘉平*; nhà Chu (1122 249 tr. T.L.) gọi là Trá* 蜡 *Tần (249-207 tr.T. L.) gọi là « Lạp ». Vì thế, tiếng ta mới có chữ « chạp » như trên đã nói.*

Theo thiên Giao-đặc-sinh *trong* Lễ-ký, *thì lễ tế chạp, bắt đầu từ vua Nghiêu (2357-2284 tr. T.L.) đặt ra.* Chạp *nghĩa là tìm xét mà tế những thần có công, chẳng hạn như Thần Nông là vị thần dạy dân cày cấy trước tiên (Tiên sắc), Cổ Hậu-Tắc là vị thần giữ việc canh-nông (Tư sắc), và vị thần giữ về bách cốc (Bách chủng).*

Hằng năm, lễ tế chạp ấy làm vào tháng mười hai—theo quan-niệm người xưa — là tháng bế-tàng : muôn vật sau khi thành-công, đã trở lại cội gốc.

Cho nên, vương-giả làm lễ chạp ấy để báo đáp Thần-minh và ủy lạo nông-dân.

Lễ này vẫn được coi trọng ở đời đức Khổng-tử. Nhưng vì lưu truyền lâu ngày, người ta quên lửng cả tinh-thần của lễ chạp đến nỗi một tay cao-đệ ở Khổng-môn như ông Tử-Cống cũng còn không nhận thấy được cái ý nghĩa của nó dưới con mắt quan sát tinh tường.

Một hôm có lễ chạp. Ông Tử Cống đến xem lễ ấy.

Đức Khổng-tử hỏi ông Tử-Cống:

— Tứ (tên ông Tử-Cống) ơi ! vui không ?

Tử-Cống thưa :

— Người suốt một nước đều như điên-rồ, Tứ này chưa biết cái gì là vui cả !

— Trăm ngày vất vả mới có một ngày được hưởng ơn-trạch là ăn lễ chạp.. Cái vui ấy không phải là điều người biết được !

(Trích dịch thiên Tạp ký hạ *XXI trong sách* Lễ ký).

Xưa kia, chịu ảnh-hưởng của văn-hóa trung-hoa, nước ta, đối với tháng chạp, cũng coi là một tháng đặc-biệt khác thường :

1) Việc hành-chính. — *Đầu đời Tự-đức (1848-1883), hằng năm, cứ đến tháng chạp thì giấy-tờ việc công, sớ, tấu, văn-án rất là bề-bộn phân-phiền ! Đó vì việc công trong một năm, các nha-môn thường làm không chạy, cứ để*

động mãi đến tháng chạp; rồi thấy năm hết, tết đến, ngày «phong ấn» (gói con dấu lại, nghỉ việc để ăn tết) sắp tới nơi, bấy giờ mới hấp-tấp làm vội, cầu cho chóng xong.

Chính vua Tự-đức xét ra rằng «những tập tấu-nghị và án-kiện dâng lên bấy giờ phần nhiều là sự-lý lèng-bèng, giấy-tờ chữ-nghĩa bề-bộn. Những kẻ thừa hành ở dưới đã thấy kiệt sức, thì tựu trung bàn-định xét-xử việc gì há được mười phần ổn - thỏa chu đáo? Nghiệm ngay như một vụ án do bộ Hình duyệt xong vừa mới dâng trình, đã vội nhận lỗi lập tức! Thế há không phải là lầm - lạc thất-thố đấy ư?... »

Vì vậy, vua Tự - đức phải dụ rằng : « Từ nay về sau, phàm hồ-sơ văn án do các tỉnh đã kết rồi mà đệ lên đều phải theo đúng như lệ cũ là cứ cuối tháng một đã phải đến Bộ rồi. Còn như các chương, sớ tâm-thường và sổ-sách tiêu-thủ ở các nha-môn cũng cần phải một loạt đệ lên tâu trình trước thượng-tuần tháng chạp. Ở kinh, việc làm cũng phải theo như thế... » (Căn-cứ vào tờ dụ « Chư nha biện sự bất đắc nhân tuần » ra năm Tự-đức thứ ba, 1850).

2) Việc ban niên - lịch. — *Tháng chạp, có việc ban phát niên lịch cũng là việc trọng. Hằng năm, từ thượng tuần tháng năm, Khâm thiên-giám phải gửi ra mẫu lịch, giao cho Hà - nội mua giấy mực và mượn thợ khắc khắc gỗ, rồi in. Đến tháng chín thì phát giấy vàng để đóng bìa. (Việc giao Hà-nội in lịch này định từ năm Minh-mạng mười ba, 1832).*

Lễ ban và nhận lịch cử-hành vào ngày mồng một tháng chạp. Đúng ngày ấy, các trấn-quan đều phải bận triều-phục, đến Hành-cung, hướng về bắc khuyết mà lạy, gọi là vọng bái, rồi nhận lịch do triều-đình ban - phát ra. (Việc ban lịch này định từ năm Gia-long thứ tám, 1809).

3) Việc tảo mộ và tế chạp ở dân quê. — *Trong tháng chạp, ngoài mấy việc có quan - hệ đến chính lệnh do quốc-gia đứng làm, còn có những việc thuộc tôn-giáo, thuộc phong-tục hãy còn tồn-tại ở dân-gian từ xưa đến giờ. Tôi muốn nói đến việc tảo mộ và tế chạp.*

Nhưng, lễ chạp bây giờ người ta rút hẹp vào trong phạm-vi gia-tộc. Các nhà thờ họ, thường đặt một ngày trong tháng chạp, làm lễ « tảo mộ » : con cháu đem nhau đi thăm mộ, giẫy cỏ, đắp đất, thắp hương, dâng hoa ở nơi yên-nghỉ của tiền-nhân ; rồi về từ - đường, làm lễ tế chạp trước bàn thờ tiên-tổ. Khi thụ-phúc, con cháu cùng nhau chuốc chén say - sưa, mua lấy những phút điên rồ như bữa tiệc « Trà » ở đời Xuân - thu dưới mắt ông Tử-Cống.

Ngoài những việc kể trên, tháng chạp lại còn là kỳ tính công-lênh, xét kết quả việc làm và thu xếp mọi cuộc kinh-doanh nữa. Nên ca dao có câu :

« Trở về một, chạp tính công hoàn thành ».

◆

Vẫn tháng chạp ấy, nhưng thời-buổi nay đã khác xưa. Từ công-sở đến tư-gia bây giờ, đâu đâu cũng dùng theo dương lịch. Tháng chạp ngày nay mất hẳn cái nghĩa thiêng liêng như ngày xưa nữa.

Dẫu vậy, giữa thời-đại máy-móc, thế-giới cạnh-tranh này, ở xã-hội ta, bao cái lưu-phong di tục vẫn còn sống và động, nhất là ở trong tháng chạp hằng năm.

Đây, những cái mắt thấy :

Bắt đầu từ mồng một tháng chạp, trên lề đường phố Hàng Bồ, những ngòi bút lông lại một phen hoạt-động. Trên mặt giấy hồng-điều lại ra mắt khách qua đường những câu đối sáo từ nghìn xưa để lại.

Xen vào bên những tờ giấy đỏ mực đen, người ta lại điểm thêm những tấm tranh tết lưu - truyền cái dấu-vết của nền « mỹ - thuật » cổ. Tháng chạp năm nào cũng vậy, cũng vẫn bấy nhiêu tấm tranh, bấy nhiêu nét vẽ, người ta cứ kéo dài và không đổi mới dưới mắt nhi-đồng. Chúng ta cũng như đời các cụ-kỵ, con cháu chúng ta cũng như lớp chúng ta, ai nấy, không hơn không kém, chỉ được thưởng-ngoạn bấy nhiêu nét sặc-sỡ không điều-hòa!

Nếu chịu tiến theo thời-gian, thì từ câu đối tết đến tranh tết, cần phải được tay hay nôm và nhà mỹ-thuật sửa-đổi cho thích-hợp hơn.

Ngoài cảnh tấp-nập gọt thủy-tiên, sắm hương ngát, chọn pháo kêu, chạy gạo tết của nhà quê kẻ chợ, trong làng văn, làng báo có cái quang cảnh náo-nhiệt và bận-rộn khác thường...

Từ các nhà cầm bút đến dân thợ nhà in, ai nấy đều tắt mặt tối, hết sức hoạt-động, hoạt-động làm sách tết, báo tết...

Phải, sau khi làm tròn công-việc một năm, chúng ta cũng nên có những giờ phút nghỉ - ngơi để đón chào Xuân mới.

Nhân dịp tiết đông lạnh-lẽo sắp qua, Xuân mới sắp khoác cho cây cỏ non sông những tấm áo bằng màu-sắc xinh-tươi, rực-rỡ, Tri-Tân chúng tôi, đến ngoài 20 tháng chạp, sẽ xin hiến các bạn đọc thân-yêu một món quà thưởng xuân đầy hứng vị: số xuân Nhâm-ngọ (1942).

HOA-BẰNG

Đính chính

Trang 9, cột 2, giòng 1 : «ngày xuân» sửa là « *ngày xưa* » ; trang 13, cột 2, giòng 17 : «Bê rào » sửa là « *bên rào* ».

T. T. số 32, trang 9, c. 1, gi. 1 : « nội » sửa là « nôi », gi. 10 : « dây nhạc nguyên » sửa là dậy nhạc u-nyên ; trang 20, chỗ « đôn coi » xin đọc là : « *Cháu 22 đời của vua Lý Anh Tôn hiện ở ngoại quốc* ».

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 9

Ứng-Hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRONG khoảng năm 1436-1441 và năm 1443-1447, sử chỉ chép thi võ (*Cương-mục*, quyển 17, tờ 4 a), không thấy chép thi văn. Mãi đến năm Thái-hòa thứ sáu (1448), mới có bia đề tên những tiến-sĩ khoa mậu-thìn như sau này (*Thái-hòa lục niên mậu-thìn khoa tiến-sĩ đề danh ký*) :

« Đại-Nam Nhân-Tôn khâm-văn (?) nhân-hiếu tuyên-minh hoàng-đế (1442-1459) noi theo nghiệp nhớn được mười bảy năm, tất cả ba lần mở khoa-thi, chiêu-tập được nhiều kẻ sĩ. Đương thời bấy giờ dùng được nhiều người giỏi, đến được bình-trị, về cách cất-đặt không làm một việc gì là không bổ-ích.

« Khoa quí-dậu năm Thái-hòa thứ mười một (1453), và khoa mậu-dần năm Diên-ninh thứ năm (1458) đều không có điện-thí (thi đình). Duy năm Thái-hòa thứ sáu (1448) là năm mậu-thìn, tức là khoa này, mới có điện-thi-sách. Lúc bấy giờ, những kẻ sĩ trong thiên-hạ thi hương đỗ rồi, vào thi hội, gọi là « lễ-vi », được hơn 750 người. Quan Hữu-tư chọn người giỏi được 27 người.

« Ngày 23, tháng tám, mùa thu, vua ngự ở điện Tập-hiền ban xuống những bài hỏi, sai Đặc-tiến nhập-nội tư-khấu đồng-bình chương-sự là Trịnh-khắc-Phục, Đề-điệu là Ngự-sử-đài ngự-sử trung-thừa là Hà-Lật, Giám-thí là Môn-hạ-tỉnh tả-tư tả-nạp-ngôn tri Bắc-đạo quân-dân bạ-tịch là Nguyễn-mộng-Tuân, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ học-sĩ là Trần-tuấn-Du, Quốc-tử-giám tế-tửu là Nguyễn-Tử-Tấn, Độc-quyền, chọn những bài đình đối nào nên lấy.

« Chọn được lũ Nguyễn-nghiêu-Tư trở xuống cho tiến-sĩ cập-đệ hay tiến-sĩ xuất-thân, mũ áo tiệc yến, đều theo phép thường, duy có việc lập bia đá đề tên, lúc bấy giờ chưa làm.

« Đức Thánh-thượng trị-vì 25 năm (quyển *Lê triều lịch khoa tiến-sĩ đề danh bi ký*, quyển 1, tờ 6 b, chép có 15 năm) làm hưng-khởi bọn học-trò, văn-học thêm thịnh, phấn-sức nền trị-bình, thanh-minh rộng đủ. Lúc bấy giờ chiếu cho Đông-quan khắc bia đá đề lâu dài, lại sai Đỗ-Nhuận soạn văn bia : kẻ thần-hạ kính vâng nhời ngọc, vì tư-văn đa sĩ mừng, không dám lấy mình là vu-lậu (quê-kệch) mà từ-chối, xin chắp tay cúi đầu mà nói rằng :

« Việc cai-trị của đế-vương, chẳng gì nhớn hơn là trọng nhân-tài, phép tắc nhà nước rõ ràng, hẳn phải đợi bực hậu-thánh, bởi trị nước mà không kén chọn nhân-tài, gây-dựng mà không nhờ ở hậu-thánh, thì đều là cầu-thả. Theo đâu mà làm thịnh được công-việc thói-phép, đủ được văn-vật điển-chương ?

« Vậy có Thái-Tổ nối mệnh giời mở vận, đức như thánh, công như thần, văn tài võ giỏi, nghiêm-trang rực-rỡ, xét việc võ, xem việc văn, khoan nhân dũng-trí : Chí-minh đại hiếu Cao-Hoàng đế (Lê Thái-Tổ, 1418-1433) đem võ-công ngăn loạn-lạc, đem văn-đức làm trị-bình đặt niên-hiệu là Thuận-thiên (1428-1433), trước hết sửa sang việc học, đạo hóa thấm khắp, văn-vận sáng rỡ, muôn đời thái-bình, bấy giờ là thời-kỳ mới.

« Đức Thái-Tôn nối mệnh giời trị dân, hiền đức thánh công, khâm-minh văn-võ, anh-duệ nhân-triết, chiêu-huệ Hoàng-đế (1433-1442), việc võ việc văn sửa-sang khuôn-phép, Năm Đại-bảo thứ ba (1442) mở nho-khoa, tài-tuấn rất nhiều, kỷ-cương phấn-trấn, làm sáng đời trước, mở đường đời sau, bấy giờ là buổi khoáng-trương.

« Đức Nhân-Tôn Hoàng-đế (1442-1459) nối chí làm việc, xếp việc võ, xem việc văn, kén học-trò, dùng người giỏi, kính theo phép cũ, còn việc dựng bia ở nhà Thái-học chưa làm ; việc rất văn-hoa, hình như đợi thời.

« Nay đức Hoàng-đế (Lê Thánh Tôn, 1460-1497) mở vận trung-hưng, gánh vác việc ấy, lại càng rõ sự trong đạo nho, huống-hồ mọi vua đã có ý hàm-dưỡng sâu-xa, lại thêm sức mười năm phấn-chấn.

« Trước kia sáu năm một lần thi, nay chấm-chước theo phép nhà Chu (1122-255 trước kỷ-nguyên) không ngoài ba năm. Trước kia lấy học-trò không quá hai bà mươi người, nay rộng xét thực tài lấy rất nhiều, không kể gấp hai, khen chuộng hưng-khởi, đức-ý hồn-hậu, ân-vinh thứ-bực, tiết-mục rõ-ràng, nghiêm-trang rực-rỡ hơn cả xưa nay, đem khắc vào đá tốt, chép sự thực văn-hoa, để ở nơi kẻ hiền, khuyến-khích kẻ sĩ-phu. Ôi ! chế-độ nhà vua thịnh vậy ! Thế thì điềm văn-minh thánh-triều, việc khoa-cử gây tự năm Thuận-thiên (1428-1433) mới có tự năm Đại-bảo (1440-1442), thi-hành về năm Thái-hòa (1443-1453), đến năm Hồng-đức (1470-1497) thịnh hơn hết cả.

Xem tiếp trang 23

Văn hành công khí

Về bài thơ « ông phỗng đá »

GẦN đây trong một cuốn sách (1) mới xuất bản, tác-giả có đoạn nói rằng bài thơ «ông phỗng đá» đăng trong quyển *quốc-văn trích diễm* của ông Dương Quảng-Hàm chưa chắc là của cụ Tam-Nguyên Nguyễn Khuyến mà là thi-sĩ Tam Xuyên Tôn-thất-Mỹ, người Trung - kỳ.

Cũng trong bài ấy, tác giả đã căn cứ vào các điều sau đây :

a) *« Bài thơ ấy có chép ở Tam Xuyên thi tập do An-Sơn Tôn-thất Sung (con cụ Tam Xuyên) sao lục, (trang 84).*

b) *« Ông Cordier trong cuốn « morceaux choisis d'auteurs annamites » viết : Người ta gán thêm cho Nguyễn - Khuyến ít bài thơ nhưng chưa chắc những bài ấy là của Nguyễn-Khuyến...» (trang 85).*

c) *« Bà Mộng - Liễn, cái bóng của Tam-Xuyên hồi trước cũng có lần nói quả-quyết với tôi (tác-giả) rằng bài tứ-tuyệt kia là của Tam Xuyên. Lời ấy cũng đáng tin... » (trang 87).*

Bằng vào ba lý-thuyết trên, tác-giả nói : «Có lẽ ông Dương quảng-Hàm lầm thơ của một thi-sĩ nào ra thơ của Tam-Nguyên » rồi tác-giả bàn : « Tuy nhiên không nên nắm lấy nhược-điểm đó ta vội bảo bài *phỗng đá* là của Tam Xuyên được» (trang 85). Tác - giả thật đã thận-trọng trong công - việc phê-phán tài-liệu và văn-học.

Trong bài này, tôi cũng không phản-đối mấy thuyết trên, chỉ nhắc lại câu chuyện của một vị quan cũ ở Bắc-kỳ đã kể gọi là góp chút tài-liệu để tìm ra tác-giả bài thơ *« ông phỗng đá »*.

Còn sự phê-phán xin để quyền các bậc cao - minh trong văn-giới :

« Về triều Thành-thái, có một vị đại-thần làm Kinh-lược Bắc-kỳ lập phủ-đệ ở Thái - Hà - ấp (thuộc tỉnh Hà-đông bây giờ).

Sau khi cáo quan về, cụ Tam-Nguyên Nguyễn - Khuyến được mời làm gia-sư trong phủ ấy.

Một ngày, quan Kinh lược ăn mừng thọ 50, các quan thân xa gần đến mừng tấp-nập. Các hàng quan lại đều áo lam, quần điều, giầy chấn hoa, nhưng xem trong đám ấy có một cụ già trầm mặc, áo the cũ, khăn nhiễu thường. Vị ấy là cụ Tam Nguyên Nguyễn Khuyến.

Khi quan khách nhập tiệc, có vị tò mò trỏ cụ Tam Nguyên mà sẽ hỏi vị bên cạnh :

— Lão nào kia, sao ngồi trơ ra như « phỗng » thế ?

Câu hỏi soi mói ấy cũng lọt vào tai cụ Tam-Nguyên, nhưng cụ lặng thinh.

Khi vài tuần rượu đã ngà ngà, giữa tiếng tì trúc và giọng hát của các danh ca trong ấp, có mấy vị văn thân dâng bài chúc thọ, câu hãm và bài hát. Vì chủ-nhân là một nhà văn có biệt-tài.

Đến lượt cụ Tam-Nguyên, cũng là chỗ tình thân, chả nhẽ ngồi im, cụ cũng nói :

— Chúng tôi ngồi dậy học ở dinh cụ lớn đây, nay gặp tiệc thọ, cũng được lạm dự vào hàng quan khách, nhưng chưa nghĩ được câu nào mừng cụ lớn, nhân ngày thường ngồi trong nhà học thấy cảnh hồ sơn ở trước, trên núi có ông « phỗng » đứng có mạn phép cụ lớn ngâm bài thơ sau đây :

Ông đứng làm chi đấy hỡi ông,
Trơ trơ như đá, vững như đồng !
Đêm ngày coi sóc cho ai đó ?
Non nước vơi đầy có biết không ?

Nếu cụ lớn cho phép, tôi xin lấy thơ ấy làm đề bài hát.

Quan kinh lược, vốn thích nôm, ưng ngay. Cụ Tam-Nguyên cho gọi đào-nương lên và trao cho bài hát sau đây :

Ông phỗng đá

MƯỜU

Người đâu tên họ là gì ?
Khéo thay chích chích chị chi nực cười !
Dang tay ngửa mặt lên trời,
Hay là còn nghĩ sự đời chi đây ?

NÓI

Trông phỗng đá, lạ lùng muốn hỏi :
Cớ làm sao len lỏi đến chi đây ?
Hay tưởng trông cây cỏ nước non này,
Chi cũng rắp chen chân vào hội Lạc (2) ?
Thanh sơn tự tiếu đầu tương hạc !
Thương hải thùy tri ngã diệc âu,
Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu?
Túi vũ trụ mặc đàn em sau gánh vác.
Duyên kỳ-ngộ là duyên tuổi-tác ;
Chén chủ, chén anh, chén tôi, chén bác,
Cuộc tỉnh say, say tỉnh cùng nhau.
Nên chăng đá cũng gật đầu ! (3)

Nhân dẫn truyện trên, tôi muốn bàn cùng tác giả cuốn « Người xưa » rằng : cái thuyết của ông Dương Quảng - Hàm biết đâu không xuất xứ ở đây, vì câu chuyện mà tôi vừa kể có nhiều người ở Bắc-kỳ nhất là con cháu các nhà cổ gia đều biết.

Một tiếng chuông thứ ba có lẽ sẽ đem cho tôi nhời phê phán về bài thơ ấy.

TIÊN ĐÀM

(1) Quyển « *Người Xưa* » do CIPIC Hanoi xuất bản, tác - giả : ông Việt - Thường.

2· Tức là hội *Lạc xã kỳ anh* là hội các ông già đời nhà Tống.

(*xem tiếp trang 8*)

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ Số 14

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

XLIV

Chung-tình

Xa-xôi trình lạy muôn vàn,
Cách trở khôn vui mượn ca nhàn
Dở sách biếng ngâm câu biệt-hạc
Ôm cầm ngại gẩy khúc li-loan,
Mang lo Hồ, Việt, phân hai sở,
Những ước mây rồng họp một đoàn
Hảo thục may nào nên sở ngãi,
Song song cũng ngợi khúc « quan quan »

(Trích ở quyển *Quốc âm thi ca tạp lục* sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số a b 296.)

XLV

Chung-tình ca

Dầy nên non nghĩa núi công,
Há phen lê-thái ghẹo hồng cho cam ?
Con ngựa bắc, tiếng chim nam,
Càng e diệu vợi, càng nhàm gió giăng.
Một nên với lại một chăng,
Dẫu nên cũng đội, dẫu chăng cũng mừng.
Nghĩ đâu tình xiết cây măng,
Gương giăng thỏ cậy suất trừng xét-soi.
Đã rằng nhị rữa hoa trôi,
Hiềm chi vần đặt vần dôi ý gì ?

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi ca tạp lục*).

XLVI

Chùa Báo-thiên

Bài dẫn (*bằng Hán-văn, dịch ra quốc-âm*) Ngày tốt đang sáng-sủa, ruộng vàng thêm rực-rỡ : bốn mùa xuân, muôn vật đều xuân, mây năm vẻ họp, nghìn điềm lành đều họp; ghi chép vào đá tốt, hết sao được hình dung? Vậy làm tiếp theo hai bài thơ quốc âm :

1. — Bốn bề đen ngắt gấm vân trương,
Cảnh lạ mười phân chỉn khác thường.
Thăm-thẳm liên-đài nhuần diệu sắc.
Thênh-thênh phúc-chỉ nức thanh-hương.
Vầy nên cõi pháp trừng tha-tinh,
Suốt được lòng người lạc thiện-phương,
Gió đạo thổi đưa hòa hẩy-hẩy,
Công khi ngoạn thưởng rất thư-lương.

2. — Bình-phong tám bức mọi đồ thâu,
Đằm-ấm giời xuân ngọc một bầu.
Mây thụ đùn đùn toàn bảo-các,
Non nhân vòi-vọi đối chung-lâu.
Mở đường tế-độ là ơn rộng,
Song của từ thông tỏ đạo màu.
Thắng lãm chọn đây làm phẩm nhất,
So trong tỉnh-giới hả nhường đâu.

(Trích ở quyển *Ngự-đề thiên-hòa doanh bách vịnh thi tập* của Trịnh Căn, 1682-1709, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ số a b 544, tờ 10 a-b)

XLVII

Tuyết sơn cảnh-trí ca

(thuộc Hoài-an huyện)

Điệp trùng bình mở cõi Nam,
Động xuyên lưng núi khéo làm vẻ-vang
In ra dấu thánh móng vàng,
Đọng nên cây tuyết cành sương ngọc lồng.
Gió đưa vang động cây thông,
Tuyết vào cửa trắng điềm vòng giăng chơi.
Núi con khá chứa cõi đời,
Tới lên tam ngụ vẽ vời câu thơ,

(Trích ở quyển *Phong-cảnh biệt chi*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ số a b 377, tờ 7 b)

XLVIII.

Bồng-hình thắng-tích ca

Đường non chống mở xuyên ngang,
Hóa-công dùi chọc đã thường nhiều năm.
Đá xanh ngờ chẳng đất liền,
Biếc in dòng lạnh có miền giời xanh.
Đá như dáng đỏ gấm tranh,
Sóng lồng vú rủ muôn vành ngọc treo
Phi-lai chốn ấy vui theo,
Khó đem bút vẽ những điều truyện hay

(Trích ở quyển *Phong - cảnh biệt-chi*, tờ 8 a). (1)

XLIX

Lắm mối tối nằm không phú (2)

(*Hạn « Ông tơ độc làm chi », năm vần*)

Lênh-đênh lá thắm, bối-rối

CẢM HO !

HO GÀ !

Người lớn ho rũ ! Trẻ con ho gà ! các ngài đã dùng nhiều thứ thuốc ho vẫn không khỏi. Các ngài thất vọng !

Đó là các ngài chưa dùng đến thứ THUỐC HO GIA-ĐÌNH của nhà thuốc TUỆ-TĨNH nên các ngài thất vọng. Nay các ngài thử dùng xem sao. Hay lắm ! kiến hiệu vô cùng, chỉ một gói 0p.10 đã thấy ra sao.

Thuốc ho khác chế bán đã nhiều, nhưng đoan rằng không có thuốc ho nào bằng thứ THUỐC HO GIA-ĐÌNH này.

Có gửi bán các nhà thuốc lớn ở khắp 3 kỳ.

Kính cáo

Nhà thuốc TUỆ-TĨNH

53, rue Auvergne VINH

chỉ hồng; chăn chung nửa mảnh, tơ vấn trăm vòng. Bức - bối đương cơn nắng hạ, lạnh-lùng thay thuở đêm đông Ngày liu-lo thước gọi vườn đào, tưng-bừng giấc bướm; đêm khắc-khoải cuốc kêu dặm liễu ấm-oái, tin ong. Ay chẳng qua hương lửa ba sinh, lẻ-loi đành tại phận; tóc tơ một mối, chắp nối bởi tay ông.

Có một người má hồng hớn-hở, mày liễu phất-phơ. giá thuyền-quyên chất đề nhà vàng, phong-tư dễ mấy, phận bồ-liễu dịu-dàng vẻ ngọc, cách-điệu cũng ưa. Rõ-ràng quốc-sắc thiên-hương, hoa cười ngọc nói, rộn-rã văn-nhân tài-tử, mối đón thư đưa; Tin nhắn tin bó, tin đợi tin chờ. mấy bức tờ tin nhạn xa đưa, này thư Tống-Ngọc; một phiếm đàn cầu-hoàng dạo gẩy, nọ ngón Tương-Như. Thung-thăng con yến trước sân, một hai cánh thiếp; phảng-phất chim hồng trên án, năm bảy lá thư. Nhà thông huyên khuyên bảo trăm chiều, lấy ai thì lấy; thân bồ-liễu dở-dang lắm nỗi, chưa vẫn hoàn chưa. Nào ai hẹn ngọc thề vàng, phòng không vò-võ; nào kẻ nguyền non chỉ bể, giăng bạc trơ-trơ! Buồng loan vắng-vẻ một mình, muốn chôn bà nguyệt; gối phượng lẻ loi chiếc bóng, muốn lấp ông tơ.

Bắc thang lên gọi chị Hằng-Nga, hỏi xe duyên làm sao lần-thần; chắp cánh dạo tìm chàng Từ-Thức, hỏi vì ai nên nỗi ngần-ngơ? Cho nên ngao-ngán trăm chiều, ngổn-ngang lắm lúc, trông bóng mà căm với bóng, mơ-màng giấc điệp năm canh, soi gương mà thẹn với gương, bối-rối ruột tằm chín khúc. Muốn lấy kẻ văn-nhân mà nhờ tiếng, thì không người tri-kỷ, mong con bạch-nhạn lại khơi chừng; rắp đem cây cù-mộc để nương mình, chỉ e giọng Hà-đông, liệu kiếp phù-sinh là mấy chốc; ngẫm-nghĩ những tuồng quân-tử, tính trẻ hãy còn tham; bâng-khuâng nào khách tri-âm, giăng già sao mà độc!

Thôi thì thôi, tựa lưng tường bắc, hóng gió nồm nam, bởi má hồng lắm lúc gian-truân, há rằng sinh lỗi, vì phận bạc cho nên đến nỗi, dám trách ai làm, chỉ tại xấu số phải nằm không thì chịu, nào có kém ai mà ở vậy cho cam.

Thơ rằng:

Dở-dang duyên-phận chẳng ra gì,
Khen khéo giời xanh độc địa chi!
Tối đến thở-than cùng nguyệt-chị,
Ngày thì năn-nỉ với phong-dì.
Muốn treo cầu Thước cho ngay lại,
Để đợi chàng Ngâu tiện lối đi,
Trêu ghẹo hồng-nhan chi lắm tá?
Xuân-xanh thấm-thoắt dễ qua thì!

(Theo quyển *Quốc-văn tùng-ký*, của Hải-chân-tử biên-tập, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 383 quyển hạ, tờ 22a-23b).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ
biên-tập

---

1) Những bài trích trong *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, *Thiên-hòa-doanh bách vịnh* và *Phong-cảnh biệt-chí* in ra quốc-ngữ lần này là lần đầu. Quyển *Phong-cảnh biệt-chí* có cái đặc-điểm là những bài ca toàn là văn dịch. Nguyên-văn chữ như sau này:

Tuyết-sơn cảnh-trí

Thúy bình điệp-điệp trì Nam-dạng,
Động tạc sơn gên thiết tạo kỳ.
Triện xuất thần tung kim trảo giáp,
Ngưng thành tuyết thụ ngọc chi phì.
Phong truyền linh sáo phần tùng hưởng,
Tuyết hộ tình song điểm nguyệt qui.
Nhất lạp khả năng tăng thế-giới,
Đăng lâm liễu ngạ họa trang thi.

Bồng-hình thắng-tích

Man kính xanh khai nhất kính xuyên,
Hóa công chủy tạc kỷ đa niên.
Thanh tán kiền đăng nghi vô (?) địa,
Bích dẫn hàn lưu hốt hữu thiên.
Vị thạch đan hà thiên cầm xuyết,
Trám ba chung nhụ vạn châu huyền.
Cả trung tự thích phi-lai lạc,
Diệu sử nan tương họa bút truyền.

2) Cụ Nguyễn Đông-Châu đã in bài *Lắm mối tối nằm không ra* quốc-ngữ trong quyển *Cổ-xúy nguyên-âm*, trang 74, tự năm 1918. Bản của cụ khác bản nôm của Bác-cổ đến mươi mười lăm chữ: như câu « muốn lấp ông tơ », cụ Đông-Châu dịch là « muốn rắp ông tơ », nghĩa cũng thế, nhưng không đối với câu « muốn chôn bà nguyệt » (chôn lấp, chứ không phải chôn rắp), v. v.

(Còn nữa)

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine
(Septembre 1939 — Janv 1940)
của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p.50.

Những ngày «lịch-sử» trong tháng Janvier

Tiếp theo số 30

Ngày 1, tháng chạp, năm Tân Tỵ Thứ bảy, 17 janvier 1942

Ngày nay năm kỷ-tỵ, 1509, vua Lê uy-mục tục gọi là Quỉ-vương, bị Giản-Tư-Công Oánh bắt uống thuốc độc tử-tử.

Ngày 2, tháng chạp năm Tân-tỵ Chủ-nhật, 18 janvier 1942

Ngày nay, năm Bính-tuất, 1406, quân nhà Hồ giao chiến với quân Minh bên Tàu ở Bạch-hạc (Vĩnh-yên, Bắc-kỳ) : quân Hồ bị thua.

Ngày 3, tháng chạp, năm Tân-tỵ, Thứ hai 19 janvier 1942

Ngày nay, năm canh-ngọ, 1470- vua Lê Thanh-tôn kéo binh vào đánh Chiêm-thành, tới núi Thiết sơn (?).

Ngày 4, tháng chạp, năm Tân-tỵ Thứ ba, 20 janvier 1942

Ngày nay, năm kỷ-tỵ, 1509, vua Lê tương-Dực lên ngôi.

Ngày 5, tháng chạp, năm Tân-tỵ, Thứ tư, 21 janvier 1942

Ngày nay năm Tân-hợi, 1761, Trịnh-Giang mất, thọ 51 tuổi.

Ngày 6, tháng chạp, năm Tân-tỵ Thứ năm, 22 janvier 1942

Ngày nay năm Nhâm-thân, 1572, vua Lê-Anh Tôn, vì thấy Trịnh-Tùng lộng quyền, sợ có biến, nên cùng 4 Hoàng-tử trốn chạy vào Nghệ an (Trung-kỳ).

Ngày 7, tháng chạp, năm Tân-tỵ Thứ sáu, 23 janvier 1942

Ngày nay năm Bính-Tuất, 1406, Trần Đĩnh, tướng nhà Hồ, đại thắng quân Minh.

Ngày 8, tháng chạp, năm Tân-tỵ, Thứ bảy, 24 janvier 1942

Ngày nay, năm Kỷ-mùi, 1919, vua Khải-định xuống chỉ ban phẩm hàm cho những chiến-sĩ Việt-Nam sang Pháp dự cuộc Âu-chiến 1914-1918.

Ngày 9, tháng chạp, năm Tân-tỵ, Chủ-nhật, 25 janvier 1942

Ngày nay năm Canh-ngọ, 1750, chúa Trịnh Doanh thân xuất quân đi đánh Nguyễn Danh-Phương.

Ngày 10, tháng chạp, năm Tân-tỵ Thứ hai, 26 janvier 1942

Ngày nay, năm Ất-mùi, 1415, một người đánh cá được một lưỡi kiếm ở con sông gần Lam-sơn, đem tặng ông Lê-Lợi (Lê Thái-Tổ).

Ngày 11, tháng chạp, năm Tân-tỵ Thứ ba, 27 janvier 1942

Ngày nay, năm Kỷ-mùi, 1919, vua Khải-định xuống chỉ dụ dân nên tiết-kiệm trong những lễ quan, hôn táng, tế.

Ngày 12, tháng chạp, năm Tân-tỵ, Thứ tư, 28 janvier 1942

Ngày nay, năm Quí-hợi, 1924, vô-tuyến-điện từ Hà-nội sang Paris bên Pháp bắt đầu thông-tin được

Ngày 13, tháng chạp, năm Tân-tỵ Thứ năm, 29 janvier 1942

Ngày nay, năm Quí-mùi, 1884, Chính-phủ Pháp phái thêm 3 chiếc tàu chiến chở quân-như và 2 cơ binh sang Bắc-kỳ để dẹp giặc cờ-đen.

Ngày 14, tháng chạp, năm Tân-tỵ, Thứ sáu, 30 janvier 1942

Ngày nay, năm kỷ-mùi, 1739, quân nhà Lê lấy được đồn Con-mông (?) của quân Hoàng-Mật.

Ngày 15, tháng chạp, năm Tân-tỵ, Thứ bảy, 31 janvier 1942

Ngày nay năm Ất-mão, 1855, vua Tự-đức xuống chỉ sai soạn pho *Khâm-định Việt sử thông giám cương mục.*

HẾT

LONG-ĐIỀN

Văn hành công khí

Tiếp theo trang 5

3· Cũng đề mục này, ông Phan văn Cư người làng Đồng-tỉnh, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, đỗ phó bảng, đồng thời với ông Tam-Nguyên Nguyễn-Khuyến cũng có làm một bài hát họa lại :

Ông phỗng đá

MƯỜU

Non thiêng khéo đúc nên người,
Trông chừng sành sỏi khác người trần-gian ;
Trải bao gió núi mưa ngàn,
Đã già già sóc, lại gan gan lỳ.

NÓI

Gan lỳ già sóc,
Há non chi mà sợ cóc chi ai !
Người là người, tớ cũng là người
Nhằm cho kỹ vẫn tranh vanh đầu giốc.
Tương tri tằng thức năng công ngọc,
Mạc luyện như hà khả bồ thiên ?
Thôi mặc ai răng trắng, răng đen,
Thế như thế cũng ngồi yên như thế vậy.
Còn trời đất hãy còn tai mắt ấy,
Lặng mà coi họa thấy lúc nào chăng ?
Hẵng về giã gạo ba-giăng !

Bài này cũng như bài trên, cả hai đều được truyền tụng và các ca nương vẫn thường hát. *T. Đ.*

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

◆

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$35 cước 0$06

Các hiệu sách nên viết thư mua ngay kẻo hết

PHONG-ĐAO

Chia loại và giải nghĩa

TIẾT-KIỆM

TIẾT nghĩa là *dè-dụm điều-độ*; *kiệm* nghĩa là *kiệm-ước tần-tiện*. Ta không nên lẫn « tiết-kiệm » với « bỏn-sẻn » hay « bủn-sỉn ».

Xa-xỉ thì *là quá*, *bỏn-sẻn* thì là *bất-cập*.

Cho nên, để trào-phúng những người hà-tiện không phải đường, phong-nhân có câu : « *Hà-tiện mà ăn cháo hoa, đồng đường, đồng đậu cũng ra ba đồng* » ! Và nhiếc-móc những kẻ làm chồng hay hoang-toàng rằng : « *Chồng em nó chẳng ra gì, tổ-tôm sóc đĩa nó thì chơi hoang* . »

Ở giữa khoảng hai cái cực-đoan ấy, tiết-kiệm là đức tốt nhất. Tiết kiệm là biết cư-xử một vừa hai phải, không lo « *ở rộng người cười, ở hẹp người chê* ».

Từ xưa, Việt-nam là một nước trọng nông Người ta thường phải « *đổi bát mồ hôi lấy bát cơm* », nên phàm những người đã từng-trải trong cuộc sinh-hoạt chân lấm tay bùn hay đã tiếp xúc với nông-dân trong cảnh cầy mưa cuốc nắng, thì không mấy khi vung tay quá trán, ném tiền qua cửa sổ để mua lấy những phút say-sưa về vật-chất.

Sống một đời tiết-kiệm, họ có cái cao-thượng là không phải sống để mặc đẹp để ăn ngon, để ở sang.

Cái tiềm lực truyền sinh-khí cho quốc-gia Việt-nam từ xưa đến nay chính nhờ ở đức cần kiệm của nông-dân một phần lớn.

Để nêu những đức tốt ấy, trước, tôi đã nói đến « siêng năng » tức là « cần » rồi, nay xin lần-lượt nói đến « *tiết-kiệm* ».

◆

Có thóc thì chẳng ăn dè,
Đến khi hết thóc, ăn dè chẳng ra!
Đi đâu mà chẳng ăn dè,
Đến khi hết của thì dè chẳng ra!

Thề phú. Đây là phong-nhân chê những người không biết lo xa, ăn bữa hôm không nghĩ đến bữa mai, tha hồ vung-phí trong khi có thóc gạo, tiền-của. Rồi cứ bốc rời quen tính, mỗi ngày số thu một không thăng-bằng với số chi, tất nhiên thóc bao nhiêu cũng đến ăn hết, tiền-của bao nhiêu cũng phải cạn dần, bấy giờ mới ngơ-ngác mà than-vãn : chỉ tại không biết tiết-kiệm ! Khi đó, dù có muốn ăn thóc hay tiêu tiền một cách dè-dặt cũng chẳng còn đâu nữa !

Thế mới biết, ở đời, nếu không chịu phóng tầm mắt rộng, trông xa về tương-lai, thì đến khi đã lơ dịp, dẫu hối cũng không sao lấy lại được nữa !

HOA BẰNG

Mới có bán

TANG TÓC

tiểu thuyết của *Vũ-trọng-Can* *giá* 0p 60

Có thêm phần phụ « Lãng mạn chủ nghĩa »

TRÊN ĐỒI XIM

tiểu thuyết của *Nguyễn-khắc-Mẫn giá* 0p.50

Có thêm phần phụ « Soi gương Jules Verne ».

Nhà xuất bản

TÂN VIỆT

49—Takou
Hanoi

CÒN MỘT SỐ ÍT

Thằng Tuất *của Trần-mai-Ninh*	*giá*	0p 45
Nợ Văn *phóng sự của Lãng-Tử*	*giá*	0p.45
Gió Đưa *của Vị-Hồ*	*giá*	0p 45
Tiếng còi nhà máy *của Kim-Hà*	*giá*	0p 55
Tôi làm xiếc *giải thưởng Việt-Báo 1940*	*giá*	0p 38

Mỗi quyển đều có thêm phần phụ dành riêng cho những nhà thức giả.

Sắp có bán

Thanh niên trước thế giới mới

Nguyên tác của ANDRÉ MAUROIS do **PHÙNG-NGUYÊN** lược thuật

Mấy lời kính cáo

Chẳng cần phải nói thì các bạn đọc cũng đã thừa hiểu là mỗi ngày chúng tôi mỗi cố gắng vừa về hình thức vừa về tinh thần để làm tờ « Tri Tân » thành một món quà quý giá hàng tuần của các bạn. Số sau là số đặc san về Xuân Nhâm Ngọ, dày 52 trang lớn, bài vở rất rồi rào, ấn loát rất công phu, có một bức phụ bản in một cái tài liệu ai xem cũng phải ngạc nhiên vì chưa từng nghe thấy nói đến bao giờ, và một cái bìa in 7 mầu do ông Trịnh-Vân, một họa sĩ đã nổi tiếng trong làng báo và làng mỹ thuật trình bày. Số đặc san này thực là một số báo đầy đủ. Nhưng các bạn chắc chưa nghĩ đến rằng trong lúc giấy mực đắt đỏ, nhân công cao như lúc này, chúng tôi đã tốn đến mấy nghìn đồng để làm được số báo như thế. Bởi vậy chúng tôi đã nhất định rằng : *Số báo ấy riêng tặng các bạn đọc mua báo đã trả tiền rồi mà thôi.* Xin các bạn ai chưa trả tiền thì kíp gửi ngân phiếu về trả cho. Đa tạ trước.

Tri-Tân tạp chí

Số sau sẽ phát hành khắp Đông-Dương vào ngoài 20 tháng chạp ta.

Phê-bình

lều chõng

của KIỀU THANH-QUẾ

CHÚNG tôi vẫn chủ-trương rằng không nên phân chia Quá-khứ với Hiện-tại.

Và nếu không phân chia Quá-khứ với Hiện-tại, càng không nên phân loại tuyệt-đối lịch-sử tiểu-thuyết và phong-tục tiểu-thuyết.

Vì lịch-sử tiểu-thuyết là phản ảnh của Quá-khứ, còn phong-tục tiểu-thuyết là phản ảnh của Hiện-tại.

Loại sau là biến thể của loại trước.

Hai loại nếu có khác nhau, chỉ khác vì mỗi một vấn-đề thời-gian mà thôi !

Mà nghệ-sĩ, có kẻ bảo, là ông thầy của thời-gian và không-gian. Nghệ-sĩ (ở đây tức là nhà lịch-sử tiểu-thuyết hay nhà phong-tục tiểu-thuyết) được trọn quyền quan-sát trong Hiện-tại, hay ức-đoán, đề tài tư-liệu trong Quá-khứ. Nghệ-sĩ có sứ mạng phô diễn tất cả những ý-tưởng quan-trọng án-ngữ một thế-kỷ ; những điều-kiện muôn nam nó chi-phối cuộc sống của một dân-tộc, của một xứ ; và tất cả lễ-giáo, tập-tục ở xứ ấy nó điều-khiển cả bộ máy chánh-trị xã-hội của dân tộc ấy. Nghệ-sĩ vẽ rõ bộ mặt những nơi căn-cứ của thời-gian, của y-phục, cũng như của nền kiến-trúc và của tất cả cơ-khí, dân-trí của một nền văn-minh đương sán-lạn hay đã tiêu-trầm. Ngoại giả, nghệ-sĩ còn phải làm sống lại giới tình-cảm bí-ẩn nhứt của các thế-kỷ đã qua hay của cuộc sống hiện-tại.

Nhân biết qua sứ-mạng của nghệ-sĩ, ta thấy rằng sự đề tài tư-liệu để viết một lịch-sử tiểu-thuyết vẫn khó-nhọc không hơn sự nghiên-cứu để viết một phong-tục tiểu-thuyết. Hay nói khác Giá-trị lịch sử tiểu-thuyết với phong-tục tiểu-thuyết ngang nhau vì cùng đòi hỏi ở nghệ-sĩ nhiều công-phu bằng nhau.

Công-việc của lịch-sử tiểu-thuyết là đi giật lùi lại Quá-khứ. Công-việc của phong-tục tiểu-thuyết là công-việc đào xới những hạn-chế mong-manh của Hiện-tại, để họa may cũng tạo được một hình-tượng nông-nổi hay phù-bạc của thời-đại.

Hai công-việc ấy, trong phạm-vi nghệ-thuật, đi liền nhau : *lịch-sử của Quá-khứ* bổ-cứu cho phong-tục tiểu-thuyết nó chỉ là *lịch sử của Hiện-tại.*

Lịch sử tiểu thuyết, được hiểu như một sự làm sung-mãn Hiện-tại, có thể hồi-phục và gây sanh-lực cho phong-tục tiểu-thuyết.

●

Lều chõng của Ngô Tất-Tố là một phong-tục tiểu-thuyết, nhưng lại có tánh cách lịch sử — lịch-sử khoa-cử ngày xưa !

Các nhân-vật của lịch-sử không có trong đó ; nhưng cả một thời-đại khoa-cử của Quá-khứ, trong đó, được tiểu-thuyết-hóa bởi một nhân-vật của lịch-sử khoa cử Việt-Nam : ông đầu xứ Ngô Tất Tố.

Viết *Lều chõng*, trên bốn trăm trang giấy, ngọn bút đầy sức mạnh, Ngô Tất Tố, trong địa hạt của mình, hoạt động được dễ dàng, vạch được tỉ-mỉ tất cả hủ tục mục-nát của khoa cử, trình bày được khúc-chiết những phút vinh nhục của khoa-cử.

Vân-Hạc đeo đuổi khoa-cử, đã có lần được đỗ thủ khoa, vinh quang ; nhưng trong kỳ thi hội, chẳng may dùng lầm có mấy chữ mà suýt mất mạng.

Ngoài ra, trong khi thi hương, ôi, biết bao là khổ cực cho riêng Vân-Hạc !

Khoa thi hương năm ấy, tác-giả không bảo rõ là khoa năm nào, nhưng tất cả những ai đã từng lận đận trường ốc đều rõ là khoa Nhâm-tử (1912)

Khoa thi hương Nhâm-tử, mưa to gió lớn, trường thi ngập nước. khoa ấy, có một ông lão ở Phú-Thọ đi thi, chết rét trong trường thi. Và trong chương XI của *Lều chõng*, tác-giả cũng có thuật qua câu chuyện thương tâm ấy.

Khoa ấy, luống đất trường thi «bị nước ngấm vào nó đã thành ra luống bùn, không đủ sức để đỡ cái chõng và một người ngồi. Vì vậy cái chõng phải thụt xuống, thụt cho đến khi bốn chân ngập hết như bốn cái cọc mới thôi.

« Vân-Hạc cũng như hết thấy mọi người tuy ngồi trên chõng vẫn không khác gì ngồi dưới đáy ao, đít áo, đũng quần, nước bùn thấm vào bê bết. Gió bấc như có thù riêng luôn luôn quạt cho giọt mưa hắt vào các khe lều. Vì sợ nước bắn vào, quyển thi sẽ bị tỳ ố, chàng phải quay lưng ra phía ngọn gió để lấy lưng làm cái bình phong chắn cho hạt nước tàn ác khỏi bay vào đến quyển văn. Nhưng cái lưng chàng không phải là vật kỵ gió, kỵ mưa, nước mưa theo gió hắt vào,nó đã thấm qua mấy lần áo bông áo kép, lọt tới da thịt. Cái nước ấy mới độc làm sao, nó vào đến đâu, chàng thấy ở đấy cứ buốt thon thót như bị tên độc bắn phải ; miệng thít tha, tay run lẩy bẩy, chàng không thể nào cầm bút mà viết, tuy chàng đã nghĩ được xong bài thơ, một vần « lung », một vần « nhập đề » và một vần « thực » của bài phú » (trang 187).

Thấy ngày xưa thi cử gặp mưa gió khổ-cực như thế, ắt có người tự hỏi sao nhà vua không cất nhiều gian nhà lợp ngói đàng hoàng cho thí sanh thi ?

«Không phải các cụ ngày xưa đều không nghĩ đến điều đó. Nhưng trong trường thi hương, không thể cất nhà cho học trò ngồi thi. Là vì học trò đông quá, cất đến mấy chục gian nhà cũng không đủ chứa. Vả lại, thi ở giữa trời, các quan Ngự sử còn có thể đứng trên chòi mà nhìn xuống dưới để rình những kẻ gian lậu, chứ nếu thi ở trong nhà, thì các ông ấy ngồi đâu mà canh ?» Nếu bảo các ông ấy vào ngay trong

vi mà canh, thì càng không được, Vì « các ông Ngự sử cũng đều là người biết chữ. Nếu vào trong vi, lỡ các ông ấy gà cho học trò thì sao ? Bởi vì cần phải phòng bị chỗ đó, cho nên, người ta mới cất các ông Đề điệu phải đem đầu bài xuống dán ở trong các vi. Ông Đề điệu là người dốt đặc, một chữ không biết, không thể gà cho ai được. » (trang 180-181).

Chế-độ khoa-cử ngày xưa vì dùng nhiều phương-hoạch nghiêm-khắc như thế, nên chẳng những một mình thí-sinh khổ-não, mà riêng quan chấm trường cũng chẳng sung-sướng gì ! « ... Trong lúc làm trường, người ta đã tính đủ số quan trường, dựng cho mỗi ông một gian nhà lá, trong nhà có bếp, có chuồng xí, có vại chứa nước, có nồi nấu cơm, đủ các đồ lề của một gia-đình. Bốn bên đều có phên nứa che kín, gian nọ không được thông với gian kia. Sau khi tiến trường, người ta tống hết các ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo, cho mỗi ông vào một gian, rồi khóa trái cánh cửa ra ngoài, giao chìa khóa cho ông Đề điệu, bao giờ thi xong, ông Đề điệu mới mở cửa cho các ông này cùng ra... Bao nhiêu đồ ăn thức đựng của các quan trường do ông tổng đốc sở-tại trích tiền công khố chi cấp cả. Sự cung đốn cho mấy ông trên thế nào tôi không được rõ, chứ đến những ông sơ khảo, phúc khảo, thì ôi thôi, cực kỳ bần tiện. Mỗi ông một ngày chỉ được hai lạng thịt lợn, hay là hai con tôm he, có thịt đừng tôm, có tôm đừng thịt ; ba ngày mới được một lọ nước mắm và ít muối trắng » (trang 256-257).

Sau khoa Nhâm-tử thi cử khổ cực và mưa gió chết người ấy, còn một khoa thi hương năm Ất-mão (1915) ở trường thi Namdinh nữa, thì hết hội khoa-cử ở Bắc-kỳ.

Nghe đâu khoa thi cuối cùng ở Bắc-hà năm ấy, có một quan Thượng làm bài thơ chữ nho mừng các ông tân khoa :

Đay tân học giới đồng văn nhựt,
Thủ cựu nho khoa kết cục niên,
Bát trận bội thành ao nhất chiến,
Từ đàn sạ sách hiến tam thiên.
Bình sinh tân khổ đương như thị,
Tiền lộ công danh vị tất nhiên.
Tiến ngã thuần lô thu hứng vãn,
Nam thành tái tiếp Lộc-minh diên.

Sang năm mậu-ngọ (1918), khoa-cử ở Huế cũng bãi bỏ. Từ bấy nhẫn nay, không ai còn lận-đận trường-ốc nữa. Và các thiếu nữ không còn nao nức như cô Ngọc trong *Lều chõng* :

Chẳng tham ruộng cả, ao liền,
Chỉ ham cái bút, cái nghiên anh đồ.

Mà chỉ bảo nhau : « Pai cao đẳng bất thành phu phụ » !

Ngày xưa, những anh đồ như Đào Vân-Hạc lận-đận trường-ốc cũng chỉ vì muốn làm vừa lòng vợ. Ngày nay, đường-lối tuy khác, song lắm khi cứu-cánh cũng không hơn gì.

Chế-độ khoa-cử ngày xưa càng ngày càng hóa ra món đồ cổ ít người mó đến. Trưng bày món đồ cổ ấy ngày nay, trong lúc phong trào Hán học bắt đầu hồi phục lại khắp xứ ta, tác giả *Lều chõng* như cố thử thách độc giả ai là người hiểu cổ đâu hãy tỏ ra mình vẫn còn tưởng nhớ đến phường võng lọng.

●

Đọc *Lều chõng*, nhiều người chỉ nghĩ đến những chỗ khả-quan của một chế-độ khoa-cử phiền phức ngày xưa thôi. Chớ mặt trái chế độ ấy còn chứa đựng biết bao nhiêu là chi tiết đáng thương tâm : nào là phải đóng quyền văn viết bài thi cho hợp phép ; nào là không được *đồ, di, câu, cải*, nếu không, phạm *trường qui !* Ngoài ra, còn nào là *ngoại hạn, ngoại hàm, khiếm trang, khiếm lý, phạm úy v. v...* Kể sao cho xiết những điều vô ý-thức ấy ? nó chỉ tổ làm khổ, làm mờ-tối niên lực sáng-tạo của sĩ phu ta thuở trước thôi !

Phê bình *Lều chõng*, chúng tôi mời độc-giả chú ý đến mặt trái chế-độ khoa cử ngày xưa. Vì đó phải chăng cũng là bản tâm của tác-giả trong khi trứ thuật ?

KIỀU THANH-QUẾ

Cải chính

T. T. số 31, trang 15, chỗ nói về dân số ở Phi-luật-tân *là 15 triệu*, không phải 75 triệu.

Muốn cho được lịch sự trong dịp tết, không gì bằng

Rượu Dubonvin và Cam Xã đoài

Hiệu NGỌC HƯƠNG, 48, phố Sinh-từ Hanoi, tổng phát hành Bắc-Kỳ

Cần nhiều đại lý khắp các tỉnh Bắc-Kỳ, cứ viết thư về hiệu NGỌC-HƯNG

Nhà chế tạo : ĐÀO-VIÊN, 117 phố Maréchal Foch Vinh

TRƯỚC những tấm gương chân-tu hoặc cái chết giải-thoát của các thiền-sư bấy giờ, vua Lý-Nhân không thể làm lơ mà không lên tiếng khen tặng hay bùi ngùi thương cảm, nên đã thốt ra mấy vần thơ đầy vẻ mộc-mạc nhưng huyền-bí :

Tặng ông Vạn-Hạnh

Vạn-Hanh thông ba cõi,
Thực hợp lời sấm xưa.
Lang ở g.i Cổ-phap ;
Cắm gậy chấn kinh sư. (Dịch)

Khen Giác Hải thiền-sư và Thông-Huyền đạo nhân :

Long Giác-Hải như biển;
Đạo Thô g Huyền lại huyền.
Thần thông kiêm biến hóa :
Đẳng Phật, đẳng thần tiên !
(Dịch)

Và bài viếng sư Sùng-Phạm như đã chép trong « *Thiền Uyển Tập Anh* » *v v.*

Ngoài mấy bài thơ đó, vua Lý Nhân Tông còn có một bài *di chiếu* tức lời trối-trăng, cũng viết bằng Hán-văn nhằm năm ngài 63 tuổi, nghĩa là bài ấy làm khi ngài sắp thăng-hà. Lời văn chân-thành, chất-phác nhưng cảm động lắm. Nay xin trích dịch một ít ra sau đây. Còn ai muốn coi toàn bài nguyên văn thì cứ kiếm ở trong Sử-ký và tập *Hoàng Việt Văn Tuyển.*

« ... *Hâu táng đến hỏng cơ nghiệp để trở cho nặng đến hại than tinh, ta cho là rất không nên.*

« *Ta đã ít đức, không có gì làm cho trăm họ được yên ! Đến khi qua đời lại để cho dân chúng, mình sô i, khóc hôm sớm, kém ăn, g ảm uống, bỏ cả cung tế, để ta lại thêm nặng tội, thì thiên hạ sẽ bao ta ra sao ?*

« *Tang : hết ba ngày thì bỏ đồ trở, ngừng thương khóc. Táng : theo gương tiết kiệm, giản dị của Văn đế nhà Hán, không xây lăng riêng, nhưng nên để phụ ở bên Tiên đế (mộ vua Lý Thánh Tông)... »*

Đọc hết mấy câu di chúc đó, ta phải ngạc nhiên trước cái tinh-thần hi-sinh đến cực điểm của ngài ! Suốt cuốn lịch-sử đế vương Việt-nam, thật ít ai được như ngài chịu sả thân và duy tha đến thế ! Đó cũng do thiên tính và bởi ngài chịu ảnh hưởng lớn của Phật-học.

Tham khảo : *Đại-việt sử-ký tiền biên bản kỷ* quyển 1, tờ 43 và *Thiền uyển tập anh, Toàn việt thi lục* v. v.

TIẾT MƯỜI BỐN

ĐOÀN-VĂN-KHÂM

Về lịch-sử ông, sách-vở xưa chỉ nói là Công bộ thượng-thư đời vua Lý Nhân-Tông.

Dẫu vậy, nhờ mấy bài thơ còn sót của ông, ta có thể biết ông là người học thông cả nho, thích. Sinh-bình khuynh-hướng về mặt Phật-học, nên ông thường giao-du với khách thiền lâm, có ý muốn từ quan, quấn khăn vải, bận áo nâu, theo học một vị đại đức. Ngặt vì việc đời bấy còn chất nặng trên vai, nên chưa có dịp thực hành được cái nguyện đó !

Ông rất có cảm tình đối với các vị đại-đức hồi bấy giờ. Nay ta thử đọc mấy vần thơ của ông sau đây cũng đủ tưởng-tượng được tấm lòng hiếu học, mộ đức đó là thế nào :

Tặng Khổng-Lộ thiền-sư

Cắm gậy non cao, rũ sau trần,
Lặng tìm ảo mộ ıg, hỏi phù vân.
Khat-khao, nhưng khó theo Trừng, (1) Thập (2),
Vì vướng đàn cò : đai vớ cân !
(Dịch)

Số 20

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

Dưới triều vua Lý Nhân-Tông, làn sóng Phật-học vô-cùng mạnh-mẽ, nó trùm ngập cả vương, hậu, sĩ phu, nó lôi cuốn bao người học rộng, tài cao đến núp ở dưới bóng cờ « đại-từ, đại bi, cứu khổ cứu nạn ». Đọc bài thơ của Đoàn-văn-Khâm trên đây, ta thấy rõ tâm-sự ông thường bứt-rứt áy-náy vì phải theo đòi quan-liêu trong triều-ban (lộ quần), vương víu áo-mão cân đai, không thực hành được cái ý muốn nương mình cửa Phật !

Khi nghe tin sư Quảng-Trí, một vị đạo cao, đức trọng bấy giờ, tạ thế, ông có viếng một bài thơ :

Lâm tuyền, đầu trắng, lánh phồn-hoa,
Rũ áo non cao, hương bay xa !
Những muốn trùm khăn theo của Phật ;
Bỗng nghe treo dép, khóa then Già !
Nhà trai, dưới nguyệt, chim kêu rộn !
Bên tháp, bài minh, ai viết a ?
Bạn đạo thôi đừng thương nỗi biệt,
Trước chùa, non nước : bóng sư già ! (Dịch)

Cùng một giọng thiết-tha chân-thành đó, ông viếng Chân-Không thiền-sư ở núi Phả-lai :

Gương sáng cao treo cả nội, triều.
Gậy rồng, mây quấn : họp đông sao !
Thương ôi, rừng đạo cây tùng đổ !
Ngàn nỗi nhà nhân cột tuệ xiêu !
Tháp mới, dưới mây, mầu cỏ ánh !
Dáng xưa, trên nước, bóng non gieo !
Cửa thiền quạnh-quẽ, ai người gõ ?
Chiều đến, buồn nghe chuông dai kêu... (Dịch)

Đời bấy giờ hãy còn thuần phác, văn thơ không chuộng chạm trổ, giũa gọt ; vậy mà ông có nhiều câu kể cũng đẹp đẽ. Thật là người có văn tài !

TIẾT MƯỜI LÂM

NGUYỄN-KHÁNH-HỈ (1066-1142)

Nối dòng tinh hạnh, chắc ông được hưởng cái giáo-dục của nền Phật-học từ thủa bé. Mà quả thật, từ bé ông đã ăn chay.

« Yêu thầy nhưng cũng phải yêu chân-lý », chính ông là người biết thực-hành lời đó : khi thấy kiến-giải mình không hợp với Bản-Tịch thiền-sư là thầy học, tức thì ông bỏ Bản-Tịch, đi tìm chân-lý nơi khác. Nhưng lúc đã tỉnh biết rằng mình sai quấy, ông không ngần ngại lại quay về với thầy cũ : xin lỗi việc mình đã làm.

Nhân đó ta thấy ông là người biết yêu chân-lý và biết hối quá, phục thiện.

Vì nổi tiếng trong tùng-lâm, ông được vua Lý Thần-Tông (1128 - 1138) vời vào cung khuyết ; những lời ứng đối vừa ý rất được nhà vua khen ngợi, kính trọng.

Ông có bài này đáp đệ tử Pháp-Dung hỏi thế nào là thánh với phàm :

Ở đời, đừng hỏi sắc và không :
Học đạo, chi bằng hỏi tổ-tông.
Lòng giác ngoài trời (?) ; khôn định thể !
Bụi cây cõi thế : dễ đâu trồng !
Vo tròn nhật nguyệt trong nhân cải,
Cầm chặt kiền khôn ở ngọn lông.
Tay nắm này đây bao đại dụng !
Ai hay phàm, thánh với tây, đông ? (Dịch)

Ông mất ngày 27, tháng giêng, năm Đai-định thứ ba (24 février 1142) (3) thọ 76 tuổi.

« *Ngộ đạo ca thi tập* » (4) là một tác-phẩm về thơ ca của ông Khánh-Hỉ, họ Nguyễn, người Cổ-giao, huyện Vĩnh-khang. (Tham khảo *Thiền uyển tập anh* và Gaspardone trang 861 số 40).

TIẾT MƯỜI SÁU

NGUYỄN NGUYÊN-ỨC
10797-1151

Ông, đạo hiệu Viên-Thông, người làng Cổ-hiền, xưa thuộc tỉnh Nam định, nay thuộc Hà-đông, là một ngôi sao sáng trong phật-học giới, văn-học giới và chính-trị-giới ở đời Lý.

Nối dòng văn-học và tu-hành, ông là con ông Huệ-Dục, tả-hữu-nhai tăng-lục dưới triều vua Lý Nhân (1072-1127).

Tư-chất thông sáng, ông học đến chốn, đến nơi, nên thấu được tới chỗ tinh diệu.

Sau khi đã đậu kỳ thi «thiên-hạ hoành tài », lại đỗ đầu khoa thi Tam-giáo Hội-phong thứ sáu, 1097), ông không chịu nhận chức làm quan. Chỉ làm chân « nội cung-phụng truyền giảng pháp», ông tùy cơ mà diễn dạy, khiến người giác-ngộ, nhận-lĩnh được chỗ yếu-chỉ, tránh được điều lầm, chữa được cái dại. Nhờ tay ông đào-tạo, nhiều người thụ-nghiệp đều được nổi tiếng ở đời bấy giờ.

Về chính-kiến, ông chủ-trương cái thuyết nhân trị. Ông cho rằng vận-mệnh một nước quan-hệ ở như hạng người cầm quyền. Nếu hạng người đó tốt thì nước thịnh-trị, trái lại, tất phải suy-vong. Cái cớ thịnh hay suy, trị hay loạn là do nơi đế-vương dùng quân-tử hay tiểu-nhân. Có thể ví một nước như cái đồ dùng : nếu đặt vào nơi yên ổn thì yên ổn ; bằng để vào chỗ nguy thì tất nguy. Mà cái cơ hưng, vong, trị, loạn bao giờ cũng phải dần dần, chứ không một chốc, một lát mà xảy ra đâu. Ví như bốn mùa và thời-tiết nóng rét cũng phải chuyển-vần ngầm ngầm, há phải thình-lình mà thay đổi hẳn ?

Vậy, ông vua muốn cho trong nước thịnh trị thì phải theo gương trời đất, cố gắng không ngừng, giữ đức tốt : sửa mình, yêu người.

Cái chủ-trương của ông về mặt chính-trị (1130) đại-khái là thế.

Còn nữa
HOA-BẰNG

1. Phật-đồ-trừng.
2. Cưu-ma-la-thập.
3. Trong *Thiền uyển tập anh* có chua thêm : « theo Sử-ký (?), thì trái lại, ông mất năm Thiên-chương bảo-tự thứ ba (1135).
4. Trong Lịch-triều hiến chương, quyển 43 nói là *Ngộ đạo tập.*

Thời đàm

Quần-đảo Timor

NHẬT-NHAM

NĂM 1498, nhà thám-hiểm Vasco de Gama tìm được con đường Ấn-độ. Nhờ thế mà năm 1510, Alfonso de Albuquerque chiếm được Goa và Ấn-độ. Năm sau, người Bồ-đào-nha làm chủ quần-đảo Mã-lai và lập căn-cứ quân-sự trên đoi đất Malacca. Nhiều nhà truyền-giáo dự vào các cuộc chinh-phục, trong số ấy có Alfonso Taveira là người Bồ-đào-nha đầu tiên đã đề chân lên hải-đảo Timor vào năm 1515. Thuộc-địa Bồ-đào-nha (hải-đảo La Sonde) gồm có cù-lao Timor, Solor, Adonara và Florès. Trung-ương chính-trị đặt tại Larantuca trong quần-đảo Florès.

Năm 1580, Bồ-đào-nha và Tây-ban-nha hợp-nhất. Hà-lan trước đã cùng Tây-ban-nha gây cuộc binh-đao, bèn chiếm đoi đất Malacca của Bồ-đào-nha. Theo sau cuộc thất-bại vào năm 1588, của Armada là một vị tướng-quân vô-địch, nước Bồ-đào-nha được độc-lập nam 1640, nhưng không khôi-phục lại được các thuộc-địa đã mất.

Năm 1661, Chính-phủ Bồ-đào-nha và Công-ty Ấn-độ miền đông ký hợp-ước rộng quyền cho Chính-phủ Timor : Hải-đảo Solor và Timor trừ Koepang của người Hà-lan chiếm được từ năm 1619 đều ở trong phạm-vi cai-trị của Chính-phủ Timor.

Năm 1667, Chính-phủ đóng tại Lifan là nơi mà từ 1520, người Bồ-đào-nha đã di-cư đến và dựng một pháo-đài rất kiên-cố.

Đến năm 1796, Chính-phủ lại rời đến Dili cho tới ngày nay.

Trong thời-kỳ ấy, các nhà truyền-giáo Bồ-đào-nha hết sức bành-trướng thế-lực và tìm các phương-pháp mở mang cho quần-đảo.

Năm 1701, Antonio Gueirrere Coelho là viên Toàn-quyền thứ nhất được Phó-vương Ấn-độ Bồ-đào-nha cử sang cai-trị Timor, bèn đem Timor sáp nhập vào Đế-quốc thuộc-địa Bồ-đào-nha, và rút hết thế-lực của các nhà truyền-giáo đã gây được trong xứ.

Người Hà-lan, khi ấy, được đảo-trưởng Ternate cấp cho nhiều đất-đai, bèn nghĩ đến việc cướp đảo Timor của Bồ-đào-nha. Trong hai năm 1719 và 1731, xảy cuộc sung-đột giữa Hà-lan và Bồ-đào nha. Đã một phen, Bồ-đào-nha chỉ còn Lifan, nhưng nhờ có binh cứu-viện của Chính-quốc, nên Bồ-đào-Nha thắng-thế, lấy lại được các nơi đã mất vào tay quân địch.

Năm 1749 Hà-lan vẫn giữ nguyên được Koepang, nhưng đến 1797 quân Anh lại lấy mất Koepang. Sau người Anh bị dân bản-xứ đánh đuổi, mãi đến 1810, 1811, người Anh mới trở lại xâm-chiếm những đất-đai thuộc Hà-lan. Tuy vậy, được ít lâu, Anh lại trả lại Hà-lan tất cả các nơi chiếm đóng.

Năm 1818, Hà-lan lại chiếm Ata Poe Poe của Bồ-đào-Nha.

Năm 1820, Bồ đào Nha tuyên bố kết liễu những việc đã xảy ra giữa Hà lan và Bồ đào Nha và hai bên vẫn giữ nguyên những đất đai đã chiếm được từ trước khi ấy. Rồi khởi lên vấn đề phân chia địa giới từ năm 1820. Sau nhiều cuộc đàm phán rất phiền phức khó khăn, Hà lan và Bồ đào Nha ký hợp ước Lisbonne vào năm 1859.

Đất của Hà-lan gồm một phần địa hạt Timor và nhiều đảo khác, tất cả có 250 nghìn người. Phần đất thuộc Bồ đào Nha chia làm 50 xứ do thổ-dân cai trị, có 537 nghìn dân. Kinh-đô cực thuộc địa Hà-lan là Koepang và kinh-đô thuộc-địa Bồ-đào-Nha là Doli.

Được ít lâu, xảy cuộc xung-đột tại biên-giới, nên năm 1904, Hà-lan và Bồ-đào-Nha ký hòa-ước định lại địa-giới như ngày nay.

Đến giữa thế-kỷ thứ 19, tại Timor, có cuộc xung-đột giữa chính-phủ và các nhà truyền giáo. Cuối thế-kỷ thứ 19, trong xứ có nhiều cuộc nội-biến kéo dài đến 1912.

Trong thời-kỳ ấy, Timor trước thuộc Ấn-độ Bồ-đào-Nha lại để dưới quyền viên Thống-đốc Macao.

Timor được thịnh-vượng như ngày nay là nhờ Jose Celestino Da silva, trong khi cầm vận-mệnh đất này từ 1894 đến 1906 đã đặt lại nền-tảng xã-hội, bình các cuộc nội-biến do thổ-dân gây nên, cải-tổ việc chính-trị và mở mang nền kỹ-nghệ là những việc rất khó khăn trong thời hấy giờ.

Filomeno Dacamara sau khi kế chân Jose Celestino Da silva lại gắng công khuếch-trương nền kỹ-nghệ, nên trong vòng sáu năm, trong đảo rất phát-đạt.

Năm 1896, Timor thoát-ly Chính phủ Macao và theo chính-sách tự-trị.

Năm 1926, cuộc tự-trị ấy được chính-quốc Bồ-đào-nha công-nhận.

Timor trước thuộc quan binh cai-trị mãi đến năm 1934 mới để dưới quyền các quan văn. Từ đó trong xứ được thái-bình thịnh-trị.

Người Bồ-đào-nha chiếm được 19 nghìn cây số vuông về miền đông đảo Timor. Khí-hậu Timor theo ảnh-hưởng gió mùa, mây chạy từ Ấn-độ-dương lại làm thành mưa trên hai bên sườn núi giữa đảo. Miền duyên-hải phía nam ẩm-thấp và nóng Miền rừng núi cao tới 1200 thước tây hơn mặt bể, khí-hậu ấm-áp và ẩm-thấp.

Năm 1936, Timor có 460.588 người (24 người trên một cây số vuông).

Thổ-dân có tất cả 456 nghìn người, giống như dân xứ Papouasie (Nouvelle Guinée) và Úc-đại-lợi. Người rất chóng già và trẻ con sơ-sinh thường chết hại rất nhiều. Dân-cư không họp thành bộ-lạc và không biết giồng-giọt theo phương-pháp mới.

Đạo Gia-tô bành-trướng tại các thành-thị và miền duyên-hải, còn dân trong xứ vốn sẵn có một tôn-giáo từ xưa.

Người ngoại-quốc kiều-cư tại Timor có 510 người Âu-châu, 490 người Bồ-đào-Nha, 2000 người

Trung-hoa, Ấn-độ với Ả-rập, 300 người da đen, 600 người lai và 10 người Nhật-bản,

Những thị-trấn to đều đặt trên miền duyên-hải phía bắc như Dili, Vila de Manatuto, Vila Salazar và Vila Nava Malaca.

Dila là một thương-khẩu to nhất của Timor, với 2000 dân-cư, lại có bệnh-viện, có đài vô-tuyến-điện.

Timor của Bồ-đào-nha sản-xuất cà-phê rất thơm, cao-su, cacao và ngô, gạo là hai thứ thực-phẩm thiết-yếu của thổ-dân. Cho nên hiện nay, Chính-phủ đương khuyếch-trương công-việc vệ-nông, để tăng số sản-xuất ngô, gạo. Ngoài ra, trong xứ lại giồng thuốc lá, bông.

Dưới đất, có mỏ đồng, mỏ vàng, mỏ dầu hỏa. Mỏ vàng ở phía nam núi giữa cà-lao. Mỏ dầu ở phía đông hải-đảo.

Trong mùa tạnh ráo, trong xứ có thể thông thương bằng 900 cây số đường bộ. Dili là kinh-đô Timor của Bồ-đào-nha liên-lạc với Koepang) kinh-đô Timor của Hà-lan do một con đường dài 480 cây số,

Timor giao-thông với các nước trên thế-giới bằng đường thủy và đường hàng-không trên mặt Thái-bình-dương.

●

Sau khi Nhật khai chiến với Anh-Mỹ, người Anh và Hà-lan vẫn lo một cuộc tấn-công vào đảo Timor.

Việt-Nam dược-học

Của ông Phó-đức-Thành trong bộ biên tập hội Y-học Trung-kỳ soạn

Ông Phó đức-Thành, quan lý vĩnh viễn hội Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo-cứu về thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có lẽ đồng bào ta không mấy người là không biết tiếng.

Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ

Việt-Nam dược-học

này thật là một sự ích lợi cho quốc-dân ta không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan thuốc như lúc này.

Sách soạn theo phương pháp thực hành để phòng khi cấp cứu ai coi đó cũng có thể chữa được. Va lại những cây mà ông nghiên-cứu toàn là những cây mà ta thường thấy giồng ở chung quanh mình ta cả.

Thật là một bộ sách cần thiết cho :

mọi người và mọi gia-đình

Việt-Nam dược-học

In làm 12 cuốn dày trên dưới 2,000 trang. Mỗi tháng sẽ in ra một cuốn làm hai loại :

Loại giấy thường bán từ 0p 60 đến 1p 00

Loại đặc biệt thuần Dó bán từ 2p.00 đến 5p.00 tùy theo dày mỏng.

Cuốn thứ nhất (in lại lần thứ hai có sửa chữa và thêm nhiều điều thực nghiệm của độc giả) đến trung tuần tháng Décembre 1941 sẽ có bán, rồi cứ 40 ngày lại có cuốn sau. Khi bộ :

Việt-Nam dược-học

in xong cả 12 cuốn sẽ đóng làm 4 tập và sẽ bán :

Loại giấy thường từ 10p.00 trở lên.

Loại đặc biệt thuần Dó từ 30p.00 trở lên.

Mua trả tiền trước rất rẻ

Những ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Décembre 1941 thì phải trả có :

Bản giấy thường **6p.00** } và không phải
Bản thuần Dó **10p.00** } chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Janvier 1942 thì phải trả có:

Bản giấy thường **7p.00** } và cũng không
Bản thuần Dó **12p.00** } phải chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 thì phải trả có:

Bản giấy thường 7p.00 } nhưng phải chịu cước
Bản thuần Dó 12.p00 } gửi mỗi cuốn 0p.16 tức là phải thêm 1p.92 nữa

Như vậy ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước ngày 31 Janvier 1942 được.

lợi hơn 1p.92 tiền cước và **5p 00** sách tức là **lợi hơn 6p.00** về loại giấy thường **15p.00** về bản đặc-biệt thuần Dó

Ngài nào muốn mua thử một cuốn xin gửi .

Bản giấy thường 0p 80 } cả cước gửi
Bản thuần Dó 2p.00 }

Mua một bộ sách như bộ :

Việt-Nam dược-học

để trong nhà, không những là các ngài đã nuôi được một ông lang giỏi mà thôi, nhưng chính là các ngài khuyến khích một người Việt-Nam đầu tiên đã chịu hy sinh quá nửa đời người để nghiên cứu về thuốc Nam vậy.

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

Là nhà đã nhận xuất-bản các sách thuốc của hội Y-Học Trung-kỳ

— Mên, Lào, Nam, Bắc, Trung ; Hai nhăm triệu một lòng ; Khai-hóa có Đại-Pháp ; Văn - minh mở Lạc - Hồng.

Tản Đà

— Khai - hóa có Đại - Pháp ; Văn-minh đường không xa.

Tản Đà

— Nước giếng uống đỡ khát ; Bóng cây ngồi râm mát ; Ơn cây mong càng cao ; Ơn giếng mong đừng cạn

Tản Đà

Trung-tuần Décembre 1941, hai đạo quân Úc-đại-lợi (thuộc-quốc Anh) và Hà-lan đã đổ-bộ lên đất Timor của Bồ-đào-nha, lấy cớ để giữ nguyên-vẹn đất-đai và ngăn-cản không cho địch quân dùng xứ ấy làm căn-cứ quân-sự để tấn công vào các nước đồng-minh và các đường giao-thông.

Viện Toàn-quyền Timor của Bồ-đào-nha ngăn-cản không cho quân đổ bộ, nhưng vì không đủ lực-lượng để khang, nên phải để cho quân Anh và Hà-lan tự-do kéo lên hải-đảo. Tuy vậy, dân-cư trên đảo vẫn yên ổn làm ăn.

Viện Toàn-quyền Timor bèn đánh điện-tín phản-kháng với Thủ-tướng Úc-đại-lợi và Toàn-quyền Nam-dương quần-đảo.

Quân-đội Anh và Hà-lan đổ bộ lên đảo Timor hình như theo một hợp-ước sắp ký về việc phòng-thủ chung, để chống với một cuộc ngoại-xâm.

Vì vậy, sau khi ấy, Chính-phủ Bồ-đào-nha đã tìm hết phương-pháp để duy trì nền trung-lập : qua nhiều cuộc đàm-phán gần đây, Bồ-đào-nha đã đem quân đến Timor để phòng-thủ đảo này thay cho quân Úc và Hà-lan.

Cho nên, có tin quân Úc-đại-lợi và Hà-lan đã bằng lòng rút khỏi đất Timor để trả lại thuộc-địa này cho Bồ-đào-nha tự phòng-thủ lấy nhờ thế mà trong khi ngọn lửa chiến tranh đương lan rộng trên mặt Thái-bình-dương, quần - đảo Timor vẫn giữ được nguyên tình-thế.

NHẬT-NHAM

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Theo nghị-định quan Toàn-quyền vừa ký thì các thứ sữa khác được tự do bán, trừ mấy thứ sau này : Nestlé, Wondes. Blue Cross, Bébé hollandais, Le Gosse, Libbys.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã ký nghị-định những đất có làm nhà hay không làm nhà ở khắp các tỉnh từ năm 1942 này trở đi đều phải chịu thuế cả.

Kể từ 1er Juillet 1942 phàm ai muốn thi vào các công sở đều buộc phải dưới 35 tuổi và phải có bằng Thể dục đủ những điều kiện sau này :

Chạy 100 thước chỉ mất 15 dây 5/10

Chạy 1.000 thước chỉ mất 4 phút 15 dây ;

Nhảy cao được 1 thước 05 ;

Nhảy xa được 4 thước ;

Ném tạ (5 ki lô) xa 10 thước ; (cộng cả 2 tay).

Leo giây được 4 thước dây thừng.

Vác và mang nặng 30 ki-lô đi trong 80 thước chỉ mất 30 dây.

Thống-chế Pétain đã nói :

« Một phần bị đầy ải, với phần tự do còn lại để gánh vác tất cả nghĩa vụ, ngày nào tôi cũng gắng công cứu nước khỏi nỗi tắc thở hung dữ và sự biến động đón chờ. Vậy thần dân hãy giúp tôi. Hãy họp thành chuỗi dây và đưa tay cho tôi : hàng ngày nên có những chiến thắng con con và nên gần gụi nhau hơn. Nên để hy vọng rào rạt trong tâm. Họp lại với nhau, chúng ta sẽ đó cơ cứu nước. Đại Pháp vạn-tuế ! »

Tuyên bố

— Kỳ 34 là số xuân Nhâm-ngọ, số trang tăng gấp đôi, có nhiều tranh ảnh, bìa ngoài in 7 mầu vào giấy láng rất đẹp, phải làm mất nhiều ngày giờ. Vậy 2 tuần chập làm một, số báo ấy sẽ ra vào ngoài 20 ta.

— Số 35 đúng ngày thứ tư 18 Février (mồng 4 Tết) sẽ phát hành.

Làng cụ Lê-quí-Đôn nay ở đâu?

Theo Đăng khoa lục (q. 3, tr. 596) thì là làng Diên-hà, huyện Diên - hà (có âm nữa đọc là Duyên hà). Phan Kế-Bính, trong *Nam hải dị nhân liệt truyện* (trang 76) cũng nói : «Lê quí Đôn quê ở làng Diên-hà»: Gaspadone, trong *bibliographie annamite* (BEFEO XXXIV, trang 18) cũng chép : « Lê Quí-Đôn était du village de Duyên-hà, du huyện de ce nom ».

Căn-cứ vào những tài-liệu ấy, nên trong *Quốc văn trích diễm* của ông Dương Quảng - Hàm và trong lời tiểu-chú bài *Một số những nhà học thức ta xưa không phải không có óc phê phán* của bạn Hoa-Bằng (T.T. số 31, trang 4) đều nói là « làng Diên-hà» cả.

Vậy ta có thể tin rằng, về hồi sinh thời cụ Quế-Đường, tên làng cụ là «Diên-hà». Duy tên làng ấy, từ bấy đến nay, đã thay đổi, nên hiện nay, ở huyện Diên-hà tỉnh Thái - bình, không có làng nào tên là Diên - hà nữa, chỉ ở huyện Đông-quan cũng tỉnh ấy có một xã tên là Diên-hà, nhưng xem địa-đồ thì huyện Đông-quan xa cách huyện Diên hà, không có lẽ xã Diên hà trước thuộc huyện Diên hà nay lại sáp nhập huyện Đông quan được.

Chúng tôi có hỏi vài người thì họ cũng bảo quê cụ Lê hiện nay là xã Phú hậu. Mà trong bài *«Thận trọng đối với tiền-nhân »* T.T, số 31. tr 10 11), tác giả Tảo Trang cũng chua «Phú hậu» là «tên làng Lê Quí Đôn» Nhưng có người lại bảo làng cụ Lê bây giờ là xã Hội — kê, xã này và làng Phú — hậu đều thuộc tổng Thượng hộ, huyện Diên hà. Vậy không biết thuyết nào là phải, xin chất chính cùng các bậc thức giả.

KHÁI-SINH

Độc-giả luận-đàn

Bản-chí mở ra mục này để hoan-nghênh những ý-kiến của bạn đọc. Dưới đây là bài của một bạn đọc bàn về cuộc « phục-hưng quốc-gia », bản chí xin cứ đăng nguyên văn để các độc-giả nhận lãm.

Nhân đọc bài diễn-văn của ông Phạm-Quỳnh Thượng-thư bộ Giáo-dục ở Huế

Để đi đến cuộc phục hưng quốc-gia nước Tân Việt-Nam

Đã hơn một năm nay, nước Pháp qua một cảnh-ngộ thương tâm. Cái tai-họa ấy gây nên do những sự lầm lẫn đáng tiếc, nhưng ta không nên nhắc-nhở đến làm gì nữa. Vả chăng sau cuộc đau thương ấy, quốc-dân đã gặp một vị cứu quốc anh-hùng : Thống-chế Pétain, người đã hi-sinh cho Tổ-quốc cả thân-thế lẫn vinh-quang Quốc-trưởng Pháp ngày nay không những trùng-tu lại những nơi bị tàn-phá và cấp-phát lương-thực cho dân-chúng, lại còn lo đến việc phục-hưng quốc-gia.

Dưới cái tiêu-ngữ đề bằng chữ lửa trên lâu-đài Quốc-gia Pháp : Cần - lao, Gia-đình, Tổ - quốc, Thống-chế đã định tổ-chức lại xã-hội trên một nền - tảng mới, không những chỉ riêng ở Pháp mà còn cả ở Đế-quốc nữa.

Vậy dân-tộc Việt - nam ta lại chẳng nên nhân cơ-hội này mà sửa chữa lại cái lâu-đài quốc-gia của ta sao ? Chẳng nên mở một kỷ-nguyên mới để gây nên một đoàn-thể mới : nước Tân Việt-Nam ? nhưng muốn làm một việc to tát như vậy, trước hết ta cần biết ta đã sẵn có những tài liệu gì có thể dùng được để xây đắp cái tương lai kia.

Mấy chục thế-kỷ chung-đụng với người Tầu, văn - minh cổ Trung-hoa đã nhuầm thấm ở đây đến khắp các hạng người trong xã hội. Mà khi nói đến văn-minh Tầu tức là nói đến tinh - thần Khổng-giáo.

Mà đạo-giáo của nhà đại hiền-triết ở Á-đông thì lấy trung, hiếu làm đầu. Con hiếu với cha mẹ, tôi trung với vua. Trong suốt đời, bất cứ hạng người nào, cũng phải có hai tin-tưởng : tận-hiếu, tận-trung. Hiếu với cha mẹ tức là tha-thiết với gia-đình, trung với vua tức là thờ phụng tổ-quốc.

Cái đạo hiếu trung ấy trong thời-kỳ nho-học còn toàn-thịnh, đã được các sĩ-phu thực hành đến triết-để. Từ con trẻ mới khai tâm cho đến các bậc khoa-hoạn, ai nấy đều phải rèn luyện trong khuôn phép hiếu trung mà đức Thánh Khúc - phụ đã đặt làm nguyên-tắc trong việc giáo-dục.

Loài người sinh ra vốn để chung sống với nhau, lập thành xã-hội. Lúc sơ sinh con trẻ đã sống trong xã-nội nhỏ là gia-đình. Gia-đình ấy là phần tử của xã-hội lớn, tổ-quốc. Cho nên bao nhiêu bổn phận làm người đều phải lấy đấy làm gốc. Đời cá-nhân tách riêng không có nghĩa gì cả, vì cá-nhân chỉ có thể tồn tại được ở trong phạm-vi gia-đình và xã-hội. Cá-nhân phải uốn mình theo những lệ-tục, tập-quán của đất nước, của tổ-tiên, phải có liên lạc với mọi người đồng-thời.

Không những thế, người ta còn chịu quyền chi-phối của quá-khứ nữa Chúng ta là người kế-tự của dĩ - vãng, chúng ta được thừa hưởng những sản nghiệp của tiền nhân, bổn phận của chúng ta là phải biết nhớ ơn. Do đấy, ta có sự tin tưởng người đã khuất, có sự tôn-kính những cổ-tục lưu-truyền. Người con không dám có cử-chỉ gì hại đến thanh-danh của ông cha, không dám có hành động gì trái với luân-thường cũ, như thế không phải là đi ngược lại những tư-tưởng mới vì người ta vẫn có quyền sử-sự theo ý muốn, nhưng miễn là việc làm của mình không hại đến giá-trị, đến nền-nếp của tổ-tiên. Vì thế mà từ xưa, người quân-tử trong đạo Khổng vẫn thận trọng từ giáng điệu đến ngôn-ngữ, ngoài đời công cũng như ở trong đời tư.

Tam-cương (quân thần, phụ tử, phu phụ), ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh) và tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử) đã là những tiếng thông thường trong từ-ngữ Việt-nam mà đám bình dân-vẫn thường nhắc tới

Với một nền lễ giáo chặt chẽ, lấy hiếu trung làm đầu, lấy sự tin tưởng người đã khuất làm trọng, sự bảo tồn thuần-phong mỹ-tục làm quý, xã hội ta đã sản ra không thiếu gì con hiếu, tôi trung, mẹ hiền, vợ đảm.

Những đức tính cao quý của dân tộc Việt-nam có thể nhận thấy rất dễ dàng ở đám dân quê và trong bọn phụ-nữ bình-dân nước nhà. Cần-cù làm ăn, biết kiên - nhẫn khi lâm vào bước khốn cùng, người dân quê Việt-nam đã tỏ ra là có sức sống rất mạnh. Họ không phàn nàn, than thở hão vì những cái không may ở đời, mà trái lại, với bắp thịt hai cánh tay, với bát mồ hôi tưới đất, lúc nào họ cũng tin tưởng vào tương-lai, hi-vọng một ngày sắp tới sáng sủa, đẹp đẽ hơn. Còn đám phụ-nữ thì là cả

một tấm gương hi-sinh, hi-sinh cho chồng, cho con,

Có con phải khổ vì con
Lấy chồng phải gánh giang sơn nhà chồng

Đấy là bổn phận, một công lệ, họ cúi đầu theo không bao giờ nghĩ đến thiệt hơn.

Vì chàng thiếp phải bắt cua,
Những như thân thiếp, thiếp mua ba đồng

Vì chồng, vì con, vì gia-đình, người đàn bà Việt-nam buôn ngược, bán xuôi, một tay tháo vát, không những đủ mưu-sinh cho một nhà, có khi lại còn dựng nổi cơ đồ là đằng khác.

Nhất là vào thời xưa, thì các ông chỉ « nấu sử sôi kinh » để chờ kịp khoa, thì công việc trong nhà cho đến cả nhật dụng chỉ còn trông vào tài đảm đang của các bà. Nhà thi sĩ của non Côi, sông Vị, ông tú Xương, đã từng nhờ tài buôn bán của bà tú mà một gia-đình đông đúc được no ấm.

Quanh năm buôn bán ở men sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng...

Nhờ về những đức tính di-truyền, kiên nhẫn, cần-lao, nhờ về sức sống mạnh mẽ, quan-niệm về gia đình, tổ-quốc, mà dân-tộc Việt-nam đã có những trang oanh liệt trong lịch sử, mở mang được bờ cõi và tồn tại đến ngày nay. Nhất là đối với dân tộc Trung-hoa, trong mấy nghìn năm chung đụng mà không bị giống người Tàu mạnh mẽ, đông đúc kia đồng hóa ! Trái lại, dân-tộc ta còn Nam tiến, tiêu diệt được cả giống người Hời và phía Bắc đã từng phen tranh hùng với láng diềng to lớn hay gây sự. Quân Nguyên của Thành Cát Tư-Hãn với những tay kỵ mã tuyệt-luân, với những thế trận chớp nhoáng, đã thu phục gần khắp Á-châu với cả một phần Âu-châu, đi đến nơi nào thì trúc chẻ ngói tan, thế mà đã bị thất-điên bát-đảo với quân tướng nhà Trần. Nào Lý Thường Kiệt đã có hồi rong ruổi trong đất nước Tàu, nào vua Quang-Trung đã có dịp cả phá quân Thanh, biết bao chiến-công đã làm rạng rỡ giống nòi. Hăm hở sống, thích chiến đấu, yêu đất nước, tha thiết với quê-hương, thêm có đức cần lao, có trí kiên-nhẫn, ta đã được thừa hưởng của ông cha ta rất nhiều đức tính can hệ đến sự tồn vong cua một gia tộc.

Ngoài những đức tính của giống nòi, ta còn có cái may hơn nữa — cái may mắn mà ta không nên bỏ qua ; sự tình cờ của lịch sử đã run rủi cho xứ này đặt dưới quyền bảo-hộ nước Pháp. Sau nửa thế-kỷ chung sống, hai dân-tộc đã hiểu biết nhau, dây thân ái ngày thêm ràng buộc và hơn hết lúc nào, nay chính là thời-kỳ Pháp-Nam cần phải đoàn-kết chặt chẽ lấy nhau, vì theo lời quốc-trưởng Pétain : « Pháp-Việt đồng tâm là điều cốt tử cho cuộc tương lai của Đông Pháp. »

Mà thật thế, nền văn minh Tây phương mà Pháp là tiêu biểu đã có ảnh hưởng rất sâu xa ở đây, đã bồ-túc nhiều cho nền văn minh cổ của Việt-Nam, để thích hợp với thời-đại mới. Xét lại lịch-trình tiến-hóa của dân-tộc ta, ta có thể nói mà không sợ quá đáng rằng ta nhuần thấm trong nửa thế kỷ văn hóa của Pháp bằng nghìn năm đô-hộ của Tầu. Đang theo một đà nhịp nhàng mà tiến-bộ, ta phải thành thực mà đồng-lao cộng-tác với người Pháp, cũng như người Pháp thành thực mở mang cho ta.

Ta đã chịu những ảnh hưởng gì của văn minh Pháp ?

Trước hết, cái lễ giáo khắc khổ của ta tuy nó giúp ta bảo tồn được những cổ-tục, thuần phong quí hóa, nhưng nhiều khi nó đã trói buộc tạ chặt-chẽ quá, khiến ta không phát-triển được hết năng-lực của mình. Ta làm việc bổn phận một cách giữ gìn, dè dặt, với nhiều nỗi lo âu vì ta còn phải bó buộc theo đúng khuôn-phép của lễ-giáo. Cái tính vui vẻ hồn-nhiên trong khi làm việc của người Pháp đã khiến cho ta biết ham thích, mê-mải đuổi theo sự-nghiệp to tát, đã khiến ta nhìn đời bằng con mắt lạc-quan. Công việc ta thấy nhẹ nhàng, tâm thần ta thấy thư thái và sau mỗi buổi chiều, khi óc ta không bận nghĩ, tay ta không bận làm nữa, ta thấy ngay một cuộc nghỉ ngơi dễ chịu, bồi bổ và an tâm đợi ngày hôm sau.

Trong sự vui vẻ ấy ta còn nhận thấy tinh thần trật tự và minh bạch nữa. Mà thật thế, từ tiếng nói cho đến các tác phẩm chuyên môn hay khảo cứu của Pháp, ta đều nhận thấy cái luận lý sáng suốt của Descartes sự minh bạch cổ điển mà Boileau đã từng ca-tụng. Nhờ có tinh thần ấy mà óc thực tế dễ nẩy nở, trông cái gì là phân tách, thấu hiểu ngay, không lờ mờ mà cũng không an-nhàn thái quá. Người Pháp biết thưởng thức những ý nhị của sự trào phúng, cái duyên dịu dàng của lòng từ thiện, sự dản-dị của cử-chỉ và sự thanh cao của tư tưởng. Từ Bossuet đến Lacordaire, từ Descartes đến Bergson, nhà văn cũng như nhà triết học, ai nấy đều chung những quan-niệm ấy, biểu hiệu những đức tính cao quý của giống nòi. Từ những bài về hồi Trung cổ cho đến các tác-phẩm của những nhà văn trào-phúng, cận-đại, văn-chương Pháp đầy rẫy những trang di dỏm, ngộ nghỉnh mà

trí quan sát tinh-tế đi đôi với sự hài-hước thanh tao. Chịu ảnh hưởng của tinh thần Pháp ấy trên ghế lớp học cũng như ở trường đời, thanh-niên ta đã vui vẻ, hăng hái, mạnh bạo, hùng dũng đầy tín-nhiệm ở tương lai. So sánh bạn trẻ nước ta ngày nay với bạn trẻ hồi bốn, năm mươi năm về trước, ta sẽ nhận chân thấy sự cách-biệt nhau quá xa. Bị trói buộc trong những lễ nghi phiền phức, khắc khổ, nửa thế kỷ trước, xã-hội ta đã sinh xuất ra nhiều anh-tai lỗi-lạc ; song cũng đào tạo ra những thanh niên kém hoạt bát, không rắn rỏi, không dam thẳng thắn biểu lộ tính tình. Còn thanh niên hiện thời với những thân thể nở nang vì ham chuộng thể - thao, với những cử chỉ hiên ngang, mạnh rạn những tư - tưởng phóng khoáng, tự do vì được huấn luyện theo tinh - thần Pháp, thanh-niên ta là một sức mạnh, có tài tháo vát. có trí sáng kiến, biết tự lập cũng như ưa mạo-hiểm.

Nói đến trí tự-lập thì xưa kia phần nhiều người nước ta hầu như không có. Từ bé quen ỷ-lại, ta sống một cuộc đời phẳng lặng, không dam để cái bồng bột của tuổi trẻ đưa dẫn ta đến những con đường xa lạ ; không dám ra ngoài khuôn khổ thường-lệ, theo đúng chí nguyện của ta. Do đấy, trí sang-kiến không phát-biểu ra được mấy. Cái gì mà ông cha để lại ta trân trọng giữ lấy đã đành, nhưng ta không mấy khi dám cải cách làm cho hoàn thiện lên ; vì ta nhiều khi lầm rằng trong phạm - vi luân - lý cũng như trong phạm-vi thực-tế. những điều của tiền nhân đã nghĩ ra, những cái mà tiền - nhân đã sáng chế ra đều bất di dịch, ta chỉ việc nhắm mắt mà theo, mà gìn giữ lấy. Cho đến cả trí mạo-hiểm, một đức tính thông thường của mọi thanh-niên Tây phương, ta cũng không có mấy. Xưa kia, ngoài lũy tre quanh làng ra, ta không còn biết đến việc gì đã xảy ra ở nơi khác, vì đấy là thiên hạ rồi. Ta sống quanh quẩn trong gia-đình, cho sự đi xa nhà là nguy hiểm. Câu « xảy nhà ra thất nghiệp » đã là câu đầu lưỡi của mọi người thích cái sống eo hẹp nhưng yên-ổn, không biết yêu mến những cảnh cao rộng bao là của tạo vật, không biết hưởng cái thú mới lạ, say sưa của tình-cờ. Để bào chữa cái tính nhút nhát ấy ta thường nêu ra câu cách ngôn cổ hủ : « Phụ mẫu tại đường, bất khả viễn du »

Nhờ tiếp súc với người Pháp, thanh - niên ta đã nhiễm được những đức tính cần cho đời sống hoạt động, thích hợp với buổi đời mới. Bạn trẻ ở nước ta ngày nay phần nhiều đã biết tự lập, theo đuổi chí hướng của mình, không sợ giông tố, không chịu nép mình theo khuôn khổ của ông cha như dòng nước lặng lờ chảy suối. Họ biết tháo vát, họ biết lợi dụng thời cơ, ham mạo hiểm, nảy trí sang kiến. Họ lại nhờ có cái luân lý của đạo Ga-tô mà biết âu yếm nhau, biết vui-vẻ làm điều thiện và tránh-xa những sự bỉ-ổi ở đời. Văn-minh Pháp đã cải cách tinh thần họ rất nhiều mà không đi trái ngược lại nền luận lý cố-hữu ở đây.

Trong địa-hạt văn học và mỹ-thuật cũng vậy, nước Việt-Nam đã tiến bộ một cách vững vàng, một phần nhờ về đã sẵn có một cái « vốn » do văn-minh Trung-hoa và cái tinh thần Nho-giáo của mấy nghìn năm đô-hộ tạo nên, một phần do những đức - tính thông minh cần-cù của dân tộc, và lòng khoan dung đại-độ của chính-phủ Pháp.

Thật thế, văn-học gần đây nhờ có chữ quốc-ngữ của cha De Rhodes sáng lập ra mà phổ cập khắp nơi. Các báo chí các tiểu thuyết đều tăng tiến về lượng lẫn phẩm. Những cây viết cận-đại đã mô-phỏng cách hành văn của các danh sĩ Pháp mà từ phóng-sự cho đến truyện ngắn, truyện dài, luận đề tiểu thuyết, lịch sử, ký sự đã sản xuất được nhiều tác phẩm đáng chú ý. Trong những áng văn gần đây ta nhận thấy phảng phất cái dịu-dàng của Racine, cái dí dỏm của La Fontaine, cái trào-phúng ý nhị của Psichari Péguy, Mauras, Georges Goyau, cái hùng hồn của Bossuet, Corneille, cái luận lý của Descartes, Pascal, cái mau lẹ, dễ dàng của Coppée, Verlaine, Huýsmans, Bourget. Tóm lại, văn học của ta âu hóa một cách mạnh mẽ, tiến ngày ngàn dặm và hứa hẹn một tương lai vô cùng sán - lạn.

Về khoa học thì nước Pháp với những danh nhân bác học đã có công to với nhân loại, danh lừng vũ trụ như Berthelot, Pasteur, Curie, thật là một ông thầy hay, bạn giỏi của ta Trường cao-đẳng khoa học mới mở, trường Y khoa. Bào-chế, Nông-lâm đã tạo và sẽ tạo cho ta những bác-sỹ, kỹ - sư tối cần trong cuộc đời mới và rồi mai ngày đây, khoa-học sẽ phổ cập đến khắp hết mọi hang cùng ngõ hẻm và sẽ giúp cho đời sống của dân ta ngày thêm thanh-thả.

Về mỹ-thuật thì thật là một công trình phục hưng. Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật đã chung đúc bao nhiêu nghệ-sĩ có tài, chịu gắng công tìm tòi, phô diễn cái đẹp, một cái đẹp có tính cách Á-đông và đặc biệt của dân tộc

Việt-nam. Những kiến-trúc-sư xuất thân trường Cao-đẳng kiến-trúc đã sửa sang tô-điểm lại những căn nhà cổ, tạo tác những lâu-đài dinh-thự theo sự thuận tiện của đời khoa-học, khiến cho ở thị thành đã có những phố rộng rãi khang trang, những ngôi nhà khang trang, những ngôi nhà dỏm dáng với những đường thẳng dịu dàng đẹp mắt ; ở thôn quê những nơi biệt thự sáng sủa ưa nhìn, thích hợp với sự nhu cầu phức tạp của dân quê, mà lại không thiếu vệ-sinh, tiện-lợi.

Cho đến cả âm-nhạc, kịch-trường, cách phục sức cũng chịu ảnh hưởng của Tây phương và đang có những cuộc cải cách quan trọng.

Nước Pháp đang phục hưng và với sự minh mẫn của Thống chế Pétain. trong một thời gian gần đây, Mẫu-quốc sẽ được cải tạo đến triệt-để và thâu hồi sự hùng cường mà vì nhất thời lầm lỡ đã chịu lu mờ trong chốc lát. Đông-Dương ta, một phần tử của Đế-quốc, cũng sẽ được cải-tạo. Với một tinh-thần quốc-gia mạnh mẽ vốn sẵn có, với sự dìu-dắt sáng suốt của Chính-phủ Bảo-hộ, với ảnh hưởng của một nền văn minh đã từng là tiêu-biểu cho nhân-loại, ta hãy vững tin ở tương-lai của Tổ-quốc và mong mỏi một ngày gần đây ta sẽ cùng chen vai thích cánh với mọi dân tộc mà không chút hổ thẹn, ngại ngùng. Song chúng ta không được ngồi khoanh tay mà trông đợi cả ở sự tận tâm của Chính-phủ. Vì dù tha thiết đến nhân dân, Chính phủ cũng không thể làm hết được mọi việc, mà chỉ có thể mở đường cho ta đi theo hướng dẫn và nâng đỡ ta thôi. Nếu ta thờ ơ lãnh-đạm, không chịu tiến, không chịu nỗ-lực mà bước lên, thì sự dìu dắt kia cũng đến uổng công. Vậy ta phải thích cánh và cùng nhau phấn khởi đi lên con đường tiến hóa. Nhưng ta không nhắm mắt bước liều, ta hiểu biết cái văn-minh chân chính để tránh những sự lầm-lẫn thô-bỉ. Nhiều người đã chẳng lên tiếng hô hào ta quay lại với những thuần-phong mỹ-tục của cổ-nhân như chúng ta đã xét đến ở mấy trang trên sao ? Song ta không nên chỉ nhìn lại cái quá khứ mà thôi, ta còn cần thâu-thái cả cai văn minh Âu-Tây của nước Pháp mang đến cho ta nữa, ngõ-hầu mới lập được một nền-tảng vững-trãi và hoàn-bị một nền tảng xứng đáng với nước Tân Việt Nam và sự mong mỏi của quốc dân.

NAM-TÚ

Tết Táo-quân

VỀ đời thượng cổ, chưa có lửa, người ta phải ăn sống nuốt tươi như giống thú vật. Dần về sau mới biết đánh đá lấy lửa để nấu thức ăn, nên rất quí lửa, ngày đêm chăm lo gìn-giữ chỉ sợ lửa tắt đi thì dù chẳng chết cũng khổ. Lửa đã trọng như thế tất là coi như thần, rồi bởi đó thành ra có sự thờ thần lửa.

Kinh *Phệ-đà* (Védas) chép rằng : 4000 năm trước Thiên-chúa giáng sinh, những tù-trưởng Lạt-ma (Rama) ở phía bắc Tây-tạng (Tibet) đã thờ hỏa-thần gọi là A-chi-ni, (Agni). Mỗi khi hành lễ, vào lúc bình-minh, họ họp cả bộ-lạc ở dưới cái chân đồi nhỏ ; một vị thầy cả trong phái bà-la-môn (brahmane) truyền đốt cỏ thơm, rồi tiến đến trước đống lửa, giơ tay mà nguyện rằng : « Hỡi A-chi-ni, tia sáng của vầng thái-dương, ngọn lửa thiêng và trong sạch, nấu mình, ẩn bóng trong những thân gỗ, theo khói mà lên cao ở trước bàn thờ này xin nhận lấy tấm lòng chân thành, chất phác của chúng tôi cầu nguyện. » Dứt câu ấy, một người đệ-tử đổ rượu vào ngọn lửa thế là lễ thành. Lễ này cũng có khi cử-hành ở trong gia-đình, chỉ cần người gia-trưởng chủ lễ và người mẹ rót rượu cúng.

Sự thờ hỏa-thần dần dần lan khắp châu Á cho đến ngày nay những khi tuần tiết và giỗ chạp ta thường cúng thần bếp (Táo-thần) hay còn gọi là vua bếp (Táo-quân) Đối với những người có óc dị-đoan, ông Táo là vị thần rất trọng, soi xét mọi việc hành-vi của từng nhà, hằng năm, ngày 23 tháng chạp lên chầu Giời, tâu hết việc lành việc dữ ở chốn nhân-gian, đến ngày 30 lại về hạ-giới. Hôm « Táo-thần triều thiên » gọi là tết ông Táo hay nói cho có văn vẻ tết Táo-quân, người ta bày ra cúng lễ, thường dùng ba cỗ mũ, một cỗ bà, hai cỗ ông là do ở sự tích sau này :

Xưa có hai vợ chồng nhà kia nghèo quá phải bỏ nhau. Người vợ về sau lấy được chồng khác giàu có sung sướng. Một hôm đang cúng vái ngoài sân, thấy có người đến ăn xin, nhìn kỹ lại thì là chồng cũ, động lòng thương, đem tiền bạc ra cho. Chồng nghi cho vợ có ngoại tình ; vợ sấu hổ đâm đầu vào đống mã đang đốt mà chết. Người chồng cũ cảm tình ân nghĩa cũng đâm đầu vào lửa chết. người chồng sau thương vợ chết oan, cũng nhảy vào chết nốt. Thượng-đế thương ba người cùng chết về nghiệp lửa, bèn phong cho làm Vua bếp.

VÂN-THẠCH

Ngài nào mua báo chưa trả tiền, xin kíp gửi mandat về giả ngay cho. Đa tạ trước

SỐ 9

TIỂU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

TRỊNH-HỒNG nghe đoạn, nghiêm nét mặt đăm-đăm nghĩ ngợi, rồi ngẩng lên nói với sư-cụ và Liên-Tường tiểu-thư rằng :

— Việc này kể cũng khó. Vì phải đương-đầu với Nguyễn-Tân, mà Nguyễn-Tân thì Mạc-Vương đương nể dụng. Nhưng không ngại, tôi sẽ hết sức lựa chiều nói với Mạc-vương, tôi dám chắc thế nào cũng chu-toàn được. Có điều này tôi phải nói với sư-cụ và tiểu-thư trước :

Việc này không phải một ngày mà xong xuôi ngay được. Phải nói gần nói xa cho Mạc-vương nghe ra dần-dần, rồi lúc nào ngài thư thả vui vẻ ta chộp lấy cơ hội mà nói trắng ngay ra thì làm gì mà chả được. Tiểu-thư nghĩ có phải ?

Liên-Tường cúi đầu thỏ-thẻ đáp :

— Bẩm đại-quan dạy chí lý lắm.

Trịnh-Hồng vui vẻ hăng-hái tiếp :

— ... Phải, như thế ít ra là phải mươi ngày. Trong mươi ngày mà tôi cứ đi lại đây luôn để báo tin tức cho tiểu-thư hay bàn bạc với tiểu-thư một mưu kế gì, tôi sợ người ngoài người ta sinh nghi mà khám phá ra công việc của ta thì nguy cả cho tôi và tiểu-thư. Chi bằng tiểu-thư lại ở thẳng ngay đằng nhà tôi, ngày ngày tiểu-thư bảo mấy đứa trẻ, thì không còn ai để ý gì nữa, mà công việc bàn bạc rất tiện. Đấy là tôi thành thực giúp tiểu-thư được việc chứ không có gì khác, tiểu-thư đừng nghi ngại mà oan cho tôi. Nếu tiểu-thư bằng lòng, mai tôi bảo tiện-nội (1) lại đón.

— Dạ !

Cái ý định ấy đột-ngột quá, Liên-Tường không kịp nghĩ đến, và đương lúc ruột gan rối bời, nàng không dám nhận và cũng không dám chối, chỉ dạ một tiếng rồi ngồi im lặng. Trịnh-Hồng quay lại hỏi sư-cụ.

— Bạch sư-cụ, cụ tính thế có được không ?

Sư-cụ cũng đang trầm-ngâm nghĩ ngợi về việc ấy, vội vàng đáp :

— Dạ, đại-quan dạy thế kể cũng phải. Ở chùa này đi lại nhiều, người ta sinh nghi ra thật.

Trịnh-Hồng đắc ý cười ha-hả mà rằng :

— Đấy, sư cụ cũng cho ý định ấy là phải, tiểu-thư cũng nên bằng lòng để khỏi oan cho lòng ngay thẳng của tôi...

Liên-Tường chưa biết giả nhời thế nào thì may sư già đỡ lời hộ :

— Vâng, đạ-quan đãi hết lòng thương, bần-tăng và tiểu-thư đây đều nhận rõ. Nhưng công việc đến gấp quá, tiểu-thư chưa kịp nghĩ đến. Vậy xin đại quan thứ cho tiểu-thư đến mai, tiểu-thư đủ thì giờ suy-nghĩ... Rồi chả trông cậy vào đại-quan thì còn biết nương nhờ đâu cho được...

Trịnh-Hồng vui vẻ đứng lên tươi cười nói :

— Vâng sư-cụ đã dạy thế, thì xin để đến mai tôi và tiện-nội, chúng tôi lại đến. Bây giờ tôi xin lỗi sư-cụ và tiểu-thư để về kẻo muộn. Tiểu-thư nghĩ kỹ đi nhé. Thôi chào sư-cụ, chào tiểu-thư.

Liên-Tường vội lậy :

— Xin đa tạ đại-quan, bái tiễn đại quan hồi dinh.

Sư-cụ tiễn Trịnh-Hồng ra đến cổng còn ân-cần dặn :

— Xin bái tiễn đại-quan, đại-quan cố lưu tâm giúp, tiểu-thư thế nào chả phải nghe theo đại-quan.

III

Liên-Tường tiểu-thư đã thuận về nhà riêng Trịnh-Hồng để mong trông nhờ vào người cho công việc mau xong. Nhưng viên Cẩm-y thị-vệ kia nào đã phải là người hoàn-toàn trung-hậu và thương người. Ra vào nơi cung-khuyết, hầu cận các bậc đế-vương, những người thị-vệ có lòng nhân hậu thương người chăng nữa, thì cũng chỉ là cái « *lòng nhân đàn bà* », còn cầu-cạnh để tiến thân vẫn là mục-đích của bọn họ, cho nên không một dịp may nào là họ bỏ lỡ. Huống hồ Mạc Đăng-Dung lúc ấy, lừng-lẫy rực-rỡ, thiên hạ sợ oai, bao nhiêu những kẻ quan cao chức lớn còn phải xụ-phụ cầu thân, kể chi đến Trịnh-Hồng, một chức thường trong nội, mà mong ở hắn một lòng nghĩa-hiệp lớn-lao.

Được biết Liên-Tường tiểu-thư là bậc nhan-sắc tuyệt vời, tài ba lỗi lạc, lại gặp bước truân-chiên như thế, hắn tính nhẩm ngay trong bụng :

« — Nếu vậy hay ta lợi dụng luôn người này nói dối là em ta đem dâng Mạc-vương, chắc rằng ngài sẽ mười mươi ưng nhận, và ta sẽ được tin yêu và trọng dụng rồi

sẽ tìm kế lựa chiều cứu cho cha nàng, phúc người phúc ta, nhất cử lưỡng-tiện, thực là kế vạn toàn. Tạ chỉ cần khéo dỗ cho cô em bằng lòng là được. Nhưng làm gì mà chả bằng lòng. Vừa cứu được cha, vừa lên bậc bà, còn mong gì hơn nữa...»

Nghĩ thế, nhưng hắn không dám nói thẳng với Liên-Tường Hai vợ chồng hắn khôn-ngoan khéo dẫn đo lòng nàng, đem những chuyện con gái đời xưa để xa-xôi ướm thử. Thấy nàng khăng-khăng khen-phục những người tiết-liệt, và chí nàng lại rất quả-quyết, hắn càng thêm băn-khoăn ngại khó cho mưu kế của mình, đã mấy lần hắn chực nói rõ với nàng mà ngập-ngừng lại thôi.

Rồi một hôm, sau khi Liên-Tường đã ở được vài ngày. Trịnh Hồng ở trong Nội về bảo nàng rằng :

— Cái án của lịnh-tôn rất khó gỡ, tôi đã xem hết cả hồ sơ và các sớ tấu rồi Tội bạn-nghịch này to lắm, không khéo thì đến « *Chu-di tam tộc* » ..

Liên-Tường ngay thật kêu lên :

— Giời ơi ! Nếu thế thì nguy to, xin đại-quan thương tình tìm hết cách cứu gỡ cho !

Trịnh-Hồng tươi cười tiếp :

— Tiểu-thư chớ vội lo ! hạ-quan sẽ hết sức giúp lệnh tôn và tiểu-thư. Hạ-quan muốn diện-trần với Mạc-vương, nhưng sợ ngài nghi, chỉ có một kế này may có thể cứu được, chẳng hay tiểu-thư có chịu nghe theo không ?

Liên-Tường run sợ thưa-thà nói ;

— Đại - quan có lòng thương mà cứu được cho cha tiện-tỳ, trừ ra những việc bại-tiết ô-danh, còn thì dẫu phải tan xương nát thịt, kẻ tiện-tỳ này cũng xin cam chịu, để theo lời đại-quan truyền bảo.

Trịnh-Hồng nghĩ thầm :

— Ta chực dùng làm mỹ-nhân kế, mà nàng lại nói không chịu bại-tiết ô-danh, thì còn ăn thua gì ? Nhưng ta cứ làm, đến lúc đó không nghe không được !

Nghĩ vậy, rồi Trịnh-Hồng làm ra vẻ nghiêm-nghị nói với Liên-Tường rằng :

— Bây giờ ta phải tòng quyền, không nên câu - nệ. Hiện nay trong Vương-phủ đương cần một vị Nữ-phó (2) để dạy các Quận-chúa học, tiểu-thư là người có học-lực có thể ứng tuyển được, hạ-quan muốn tiến cử, nhưng e Mạc-vương nghi là thỉnh-thác cho người khác chăng. Chi bằng tiểu-thư tạm hạ mình nhận làm em để hạ-quan tiến cử vào Phủ, tất là Mạc-vương phải trọng-dụng, rồi đó tiểu-thư ở trong, hạ-quan ở ngoài, hai đằng ta cùng tìm cách lựa chiều nói với Mạc-vương, cứu cho lệnh-tôn, tất là phải được, chẳng hay tiểu-thư nghĩ có nên chăng ?

Liên-Tường tiểu-thư nghe nói, trong bụng cũng có ý ngờ, ngần ngại chưa dám giả nhời ra làm sao, thì Trịnh-Hồng lại giục :

— Việc cần kíp, tiểu-thư nên nghĩ mau đi, được hay không để hạ-quan còn vào bẩm với Mạc - vương, kẻo người khác người ta tranh mất lại lỡ dịp. Mà đợi lâu, hạ-quan e cái án của lệnh-tôn sẽ đem *chiếu luật nhập hình* (3) mất. Lúc ấy dẫu có muốn cứu lại bằng cách nào đi nữa cũng đến chịu !

Đương nóng ruột muốn cứu cha, lại thêm lo-sợ vì lời nói của Trịnh-Hồng, Liên-Tường không kịp nghĩ xa gần nữa, đành sụt-sùi thưa :

— Bẩm đại-quan đã nghĩ cho chu-đáo như thế, tiện-tỳ lẽ nào không tuân tôn-ý. Chỉ xin đại-quan cố sức chu toàn cho gia-nghiêm.

— Điều đó bất tất tiểu - thư phải bãi.

Được lời như cởi tấm lòng, Trịnh-Hồng giả nhời như vậy rồi vội-vàng lại sắp sửa cẩn thận ăn vận rất chỉnh-tề, giở vào Vương - Phủ, xin vào yết-kiến riêng. Thấy tên cận-thần của mình cầu cạnh, Mạc-vương ưng cho vào ngay và hỏi rằng :

— Trịnh-Hồng, nhà ngươi có việc cơ-mật gì muốn nói với ta ?

Trịnh-Hồng khúm-núm lậy ở dưới sân và tâu rằng :

— Trăm lậy Đại-vương, tiểu-thần vốn mộ uy-đức đại-vương, mong được đem tài khuyền-mã mà hầu hạ dưới trướng, nhưng hồ-trướng thâm-nghiêm, không được thời - thường bái-kiến, nay tiểu thần có gia-muội tên gọi Trịnh - Liên, tuổi vừa hai chín, nhan sắc tuy tầm thường, nhưng thuở nhỏ có người tướng-sĩ xem qua bảo sau nay tất đại-quý. Tin như vậy, nên tiểu - thần không hiềm đường-đột, xin tiến nạp vào Vương-phủ làm cung-nữ hầu hạ đại-vương. Cúi xin Đại-vương thương tình thu dụng cho, cả nhà kẻ tiểu-thần sẽ được ơn nhờ phúc-trạch.

Mạc - Đăng - Dung vốn không phải là người hiếu sắc, nhưng thấy Trịnh-Hồng thực lòng nạp muội, cho là duyên giời đưa lại, liền vui vẻ ưng nhận. Mạc-vương tươi-cười nói :

— Nhà ngươi ăn ở với ta trung hậu quá, ta biết đền công thế nào cho xứng !

Trịnh-Hồng khép-nép thưa :

— Trăm lậy Đại - vương. Đại-vương chuẩn y cho là vạn phúc cho hạ thần rồi !

Còn nữa *CHU-THIÊN*

1) Tiện nội là người nói chỉ vào vợ mình.

2) Nữ phó là bậc nữ-lưu vào cung dạy học.

3) Theo luật xử tội.

Những ông nghè triều Lê

Tiếp theo trang 4

« Trước kia nếu chẳng phải đứng Thánh-thượng hết đạo làm quân-sư, thân đem quyền-hành chế-tác, thì thành sao được cái chí đời trước, làm đủ sao được những việc đứng Tiền - thánh chưa làm? Con thánh cháu thần, trông theo ý thịnh, qui-mô rộng xa, trăm đời có thể biết: học trò mà được dự vào bia đá này, tuy đã sắp từ-dã cõi trần, song cũng có người trung kẻ tà, người thực kẻ dối, việc làm cũng có người được kẻ hỏng, người phải kẻ trái, nói công nhiên nghìn năm không ai giấu được. Nay những người làm quan, chính nên nghĩ đời trước kén bầy, ơn ngày nay được vẻ-vang, nên làm cho tiết muộn đường xa, hầu không hổ thẹn. Để cho những kẻ hậu-tiến, vỗ tay khắc bia này, liếc mắt nhìn văn này, cũng biết là cách thánh-triều khuyến - khích, mà tìm sự-tích danh-thực của những bậc tiền-bối, chọn những người nào phải theo mà bắt-chước, chớ để đời sau nghị-luận đến đời nay, cũng như ngày nay nghị-luận đến đời xưa, như thế thì là một điều hay trong những sự hay. Kính chép.

« Trung - trinh đại-phu Hàn-lâm-viện-thị-độc, kiêm Đông-các đại học-sĩ Đỗ Nhuận phụng sắc sao. Cần sự long-trung-thư giám-chính-tự Nguyễn Tủng phụng sắc thư. Mậu-lâm-lang kim - quang môn đãi-chiếu Tô Ngại phụng sắc triện.

« Bia dựng ngày rằm tháng tám năm Hồng đức thứ mười lăm (1484). »

(*Còn nữa*)

Ứng Hộc NGUYỄN VĂN-TỐ

Sách mới

Bản-chí tiếp được và xin giới-thiệu :

1· *Thằng cu Sỏ*, tiểu-thuyết của Ng. đức Quỳnh, dày ngót 200 trang, bìa hai màu, giá 0p.80.

2· *Gan dạ đàn-bà*, tiểu-thuyết trinh-thám của B. H. P., quyển thứ hai trong loại « Truyện giải-trí », dày 140 trang giá 0p.40. Hai quyển trên đều do nhà Hàn-thuyên, 71 phố Tiên-Tsin Hanoi, xuất bản.

3· *Mẹo chữ Hán* do Bùi trình Khiêm soạn, hiệu sách Đông-tây, 195 phố Hàng Bông, xuất-bản, giá 0p.35.

Quyển này rất cần cho những người học chữ hán.

4· *Phụ-nữ thể-thao* của Đào phi Phụng, tựa của Bùi đình Tịnh, bìa nhiều màu và tranh vẽ của Nguyễn Khanh. Sách dày 52 trang, giá 1p.25.

5· *Phép nuôi ngựa* của Thú-ý Nguyễn trọng-Trử, giá 0p30.

6· *Nuôi dê sữa* của E. Amio, giá 0p12.

Hai quyển trên đều do *Khoa-Học Phổ-Thông* ở Saigon xuất-bản.

7· *Vérité sur les combattants* của Jean-Labusquière.

Tác giả kể lại những trận Pháp-Đức đánh nhau và lòng dũng-cảm của người lính Pháp.

8· *Documents*

Hai quyển trên đều do phủ Toàn-quyền xuất bản. Không bán.

9· *Trăng xanh huyền-hoặc*, tiểu-thuyết của Trọng-Miên.

Sách in đẹp, giầy 150 trang, giá 0p60.

10· *Bóng người ngày xưa*, tiểu-thuyết của Thanh-Châu.

Sách in đẹp, giầy 143 trang, giá 60. Hai quyển này đều do Đông-phương ở Saigon xuất-bản.

11· *Truyện Đức Khổng-Tử* của Đặng Ngọc-Anh và Đoàn Trung-Còn, do Tri-Đức tòng-thơ ở Saigon xuất bản, dầy hơn 100 trang, giá 1p00.

12· *Tân Nam Lịch (1942)*, do Imprimerie de Hanoi xuất-bản. *Tân Nam Lịch* có nói nhiều điều cần thiết như: cách tính ngày tháng dương-lịch ra âm-lịch, âm-lịch ra dương-lịch, nói rõ số thuế mình phải chịu, cách làm giấy báo tin hiếu hỉ, cách trị các bệnh ngưy-cấp, cách tránh sự phạt của Thương-chính, chấn-hưng nghề nông, những điều thường-thức hàng ngày, cách làm văn-tự văn-khế không sai lầm, luật kết hôn của nước ta, cách làm chúc thư, địa-vị đàn bà đối với pháp-luật, những việc gì đàn bà làm pháp-luật bắt xin phép chồng, thể-lệ một cái vé xe lửa khứ hồi. Sách dày 142 trang, giá 0p50.

13· *Việt-Nam văn học* (Tập thứ nhất) văn học đời Lý — của Ngô tất Tố, do nhà Mai Lĩnh xuất bản, sách dày 127 trang, giấy đẹp. Vấn-đề văn-học là một món cần khảo-cứu. Quyển Việt Nam văn học ra đời sẽ giúp tài-liệu cho những nhà muốn kê cứu về văn học, một công cuộc mà bản chí cũng đang tiến hành.

Xin cảm ơn các nhà xuất-bản và các tác-giả.

NGÀY TẾT, NGÂM THƠ
không gì bằng ngâm quyển :

NÉT MƯ'C TÌNH

Của Tuyết-Huy Dương-Bá-Trạc

Bao nhiêu nỗi bâng khuâng từ khi lìa nhà đến những cảnh tình sao xuyến bởi tấm lòng thương nước như vẽ rõ trong hơn trăm bài thơ đủ các lối — Sách in giấy bouffant.

Giá 0p 30 — Cước 0p 06

do hiệu sách Đông-Tây xuất-bản

195. PHỐ HÀNG BÔNG — HANOI